

Số: /SPS-BNNMT

V/v đề nghị thông báo và góp ý
dự thảo quy định về biện pháp SPS
của Thành viên WTO tháng 9/2025

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Các Cục: Chăn nuôi và Thú y; Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Thủy sản và Kiểm ngư; Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương);
- Cục An toàn thực phẩm (Bộ Y tế);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố.

Văn phòng SPS Việt Nam tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 21/7/2025 - 20/9/2025 của Thành viên Tổ chức thương mại thế giới (sau đây gọi tắt là thông báo), cụ thể:

1. Số lượng thông báo: 97, trong đó:

- Thông báo dự thảo lấy ý kiến: 63
- Thông báo có hiệu lực: 34

2. Một số thông báo cần lưu ý:

- Thị trường Trung Quốc: (1) Dự thảo tiêu chuẩn mới sẽ thay thế tiêu chuẩn hiện hành GB 29210-2012 về phụ gia thực phẩm đồng sunfat; (2) Tiêu chuẩn chung đối với thực phẩm cho người cao tuổi; (3) Yêu cầu an toàn chung đối với vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm; (4) Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm lycopene tổng hợp; (5) Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Sửa biến tính;

- Thị trường Hoa Kỳ: (1) FDA cho phép dùng hydrogen peroxide trong thực phẩm như chất kháng khuẩn/oxy hóa – khử; loại bỏ sulfur dioxide khỏi danh mục; (2) Xác nhận hiệu lực quy định cho phép dùng màu thực phẩm *Galdieria Extract Blue* trong nhiều loại thực phẩm; (3) Xác nhận hiệu lực quy định cho phép dùng màu thực phẩm *Galdieria Extract Blue* trong nhiều loại sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, kẹo, sữa chua, ngũ cốc...); (4) Cho phép dùng chiết xuất hoa đậu biếc làm chất tạo màu thực phẩm trong ngũ cốc, snack, bánh quy, khoai tây chiên; (5) Sửa đổi quy định về chất tạo màu để cho phép sử dụng *Galdieria Extract Blue* làm chất tạo màu được miễn giấy chứng nhận trong nhiều loại thực phẩm, gồm: đồ uống không có cồn, nước trái cây & rau, sữa & sản phẩm sữa lên men, thịt gà chế biến sẵn, kẹo, kem, topping đánh bông, và nhiều sản phẩm đông lạnh hay tráng phủ khác.

- Thị trường Liên minh châu Âu: (1) Sửa đổi quy định hiện hành về điều kiện nhập khẩu sản phẩm động vật vào EU: Đối tượng áp dụng: Các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho con người; Phạm vi: Ảnh hưởng đến tất cả các đối tác thương mại của EU. Cụ thể: Điều chỉnh danh sách nước thứ ba được phép nhập khẩu: Thêm vào (list) hoặc loại bỏ (delist) các nước thứ ba hoặc vùng lãnh thổ khỏi danh sách được phép xuất khẩu sản phẩm động vật vào EU, thông qua việc rà soát, đánh giá kiểm soát dư lượng (residue control plans) do các nước thứ ba cung cấp cho các mặt hàng khác nhau; (2) Mở rộng phạm vi ký chủ đối với loài *Aromia bungii* (Faldermann); (3) Thông qua mức dư lượng tối đa đối với chlorpropham, fuberidazole, ipconazole, methoxyfenozide, S-metolachlor và triflurosulfuron trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định; (4) Cập nhật danh sách các loài ngoại lai xâm lấn đáng lo ngại của Liên minh EU:

- Thị trường Thái Lan: Thông báo của Bộ Y tế (MOPH) được báo cáo trong G/SPS/N/THA/781 ngày 21/01/2025 đã được ban hành chính thức số 460 về thực phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên Công báo ngày 7/7/2025, ngày có hiệu lực: 22/7/2025, cụ thể: (1) Quy định mức dư lượng tối đa (MRLs) của 88 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật; (2) Quy định giá trị mặc định từ mức 0,1-0,005 ppm đối với 17 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc thực vật; (3) Quy định giá trị mặc định từ mức 0,02-0,05 ppm đối với 04 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật; (4) Quy định mức dư lượng tối đa 6 hoạt chất độc hại từ môi trường, không do sử dụng trực tiếp (EMRLs) tồn dư trong trái cây, rau, ngũ cốc, họ đậu, hạt cây, thảo mộc, trà, trứng, gia cầm và động vật...

- Thị trường Nhật Bản: (1) Chính thức thiết lập MRLs cho Sulfoxaflor, Spirotetramat, Inpyrfluxam, Fosthiazate, Flutianil, Dazomet, Metam, Methyl isothiocyanate, Acrinathrin; (2) Dự thảo sửa đổi Thi hành Luật Kiểm soát Bệnh truyền nhiễm ở động vật;

- Thị trường Đài Loan (Trung Quốc): (1) Yêu cầu Kiểm dịch đối với nhập khẩu cây trồng hoặc sản phẩm từ cây trồng; (2) Chính thức ban hành quy định kiểm tra thực phẩm và sản phẩm liên quan nhập khẩu;

- Thị trường Hồng Kông (Trung Quốc): (1) Bổ sung 27 mức tối đa mới cho kim loại cụ thể trong các loại thực phẩm; (2) Cập nhật hoặc thiết lập mới mức tối đa cho phép của các kim loại nặng (như cadimi, chì, methyl-thủy ngân) trong các loại thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế mới nhất; (3) Bổ sung, thay đổi nhiều mức tối đa cho các nhóm thực phẩm như rau củ, nấm ăn, gạo, ca cao, chocolate, muối, đường, thịt nội tạng động vật, cá...

- Thị trường Braxin: Dự thảo Nghị quyết thiết lập các chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với các chất phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong thực phẩm;

- Thị trường Ả Rập Xê Út: Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật và các dư lượng phát sinh ngẫu nhiên có trong hoặc trên thức ăn chăn nuôi.

(Thông tin tóm tắt và nội dung chi tiết các thông báo tại phụ lục kèm theo)

Văn phòng SPS Việt Nam trân trọng đề nghị Quý Cơ quan nghiên cứu và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có sản phẩm xuất khẩu liên quan đến các mặt hàng và thị trường nêu trên để điều chỉnh phù hợp với quy định.

Thông tin góp ý đối với các thông báo dự thảo của Thành viên WTO (nếu có) gửi về Văn phòng SPS Việt Nam¹ trước (05 ngày) thời hạn nhận góp ý của thông báo để tổng hợp gửi Ban thư ký Ủy ban SPS/WTO./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- TTr. Trần Thanh Nam (để b/cáo);
- TTr. Hoàng Trung (để b/cáo);
- TTr. Phùng Đức Tiến (để b/cáo);
- Giám đốc (để b/cáo);
- Lưu VT (DDH).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Xuân Nam

¹Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan, phường Giảng Võ, TP. Hà Nội; điện thoại: 024 37344764; email: spsvietnam@mae.gov.vn

Phụ lục:
THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO)
từ ngày 20/7/2025 - 21/9/2025
(Kèm theo công văn số: /SPS-BNNMT, ngày tháng 10 năm 2025)

1. Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1.	G/SPS/N/CAN/1609	ATTP, BCT	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc thực phẩm được phép để mở rộng việc sử dụng pectin	Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada vừa phê duyệt sử dụng pectin trong sữa tăng cường dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh và công thức sữa. Nội dung chính như sau: 1. Mục đích: - Hoàn tất đánh giá an toàn trước khi lưu hành về việc sử dụng pectin trong chất tăng cường sữa mẹ và sữa bột cho trẻ sơ sinh với mức tối đa 2.000 ppm. - Kết quả đánh giá hỗ trợ an toàn cho các mục đích sử dụng như đề xuất. 2. Hành động: - Cho phép sử dụng pectin bằng cách chỉnh sửa danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc thực phẩm. - Ngày hiệu lực: 20/10/2025, có hiệu lực ngay khi được đăng trên danh sách. Chi tiết tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/food-nutrition/food-safety/food-additives/lists-permitted/4-emulsifying-gelling-stabilizing-thickening-agents.html
2.	G/SPS/N/CAN/1610	ATTP	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách các chất nhũ hóa, mở rộng việc sử dụng polysorbate 80 được phép để tạo gel ổn định hoặc làm đặc thực phẩm	Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada đã hoàn tất đánh giá an toàn trước khi lưu hành đối với hồ sơ đề xuất sử dụng Polysorbate 80 trong các loại sốt nhúng không theo tiêu chuẩn, với mức tối đa 0,05%. Kết quả đánh giá cho thấy việc sử dụng Polysorbate 80

					theo đề xuất là an toàn. Do đó, Canada sẽ cho phép sử dụng Polysorbate 80 như đã nêu trong thông báo, bằng cách chỉnh sửa Danh sách các chất nhũ hóa, tạo gel, ổn định hoặc làm đặc thực phẩm. Việc điều chỉnh này sẽ được thực hiện vào 20/10/2025 và có hiệu lực ngay khi được đăng trên danh sách. Chi tiết tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/food-nutrition/food-safety/food-additives/lists-permitted/4-emulsifying-gelling-stabilizing-thickening-agents.html
3.	G/SPS/N/CAN/1611	ATTP	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách các enzyme thực phẩm được phép để cho phép sử dụng pullulanase từ nguồn mới Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada đã hoàn tất đánh giá an toàn trước khi lưu hành đối với hồ sơ đề xuất sử dụng pullulanase từ Klebsiella pneumoniae AE-PUL làm enzyme thực phẩm trong mạch nha và bia, với mức sử dụng tối đa theo Thực hành Sản xuất Tốt (Good Manufacturing Practice – GMP). Kết quả đánh giá cho thấy việc sử dụng pullulanase từ nguồn này theo đề xuất là an toàn. Do đó, Health Canada sẽ cho phép sử dụng pullulanase như đã nêu trong thông báo, bằng cách chỉnh sửa Danh sách các enzyme thực phẩm được phép sử dụng. Việc điều chỉnh này sẽ được thực hiện vào 20/10/2025 và có hiệu lực ngay khi được đăng trên danh sách. Chi tiết tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/food-nutrition/food-safety/food-additives/lists-permitted/5-enzymes.html
4.	G/SPS/N/CAN/1612	ATTP	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách các chất phụ gia thực phẩm được phép để loại bỏ trùng lặp và chuẩn hóa tên gọi một số chất phụ gia. Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada thực hiện các sửa đổi chỉnh lý đối với một số Danh sách chất phụ gia thực phẩm được phép nhằm: - Loại bỏ các mục trùng lặp. - Thay thế các tên đồng nghĩa của chất phụ gia xuất hiện thay cho tên phổ biến trong một số mục. Những sửa đổi này không làm thay đổi các cách sử dụng

						được phép của các chất phụ gia liên quan và không ảnh hưởng đến việc ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn. Do đó, Bộ Y tế Canada sẽ thực hiện chỉnh sửa danh sách chất phụ gia thực phẩm được phép như thông báo vào 20/10/2025. Các sửa đổi này có hiệu lực ngay khi được đăng trên danh sách. Chi tiết tại: https://www.canada.ca/en/health-canada/services/food-nutrition/food-safety/food-additives/lists-permitted.html
5.	G/SPS/N/EU/886	CNTY	Liên minh châu Âu	19/9/2025	Dự thảo của Ủy ban châu Âu về việc từ chối cấp phép chiết xuất từ cây ngưu bàng (<i>Arctium lappa</i> L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó.	Chiết từ cây xuất ngưu bàng (<i>Arctium lappa</i>) đã được cấp phép không thời hạn theo Chỉ thị 70/524/EEC làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, chất này được ghi vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi với tư cách là sản phẩm hiện có, theo Điều 10(1), điểm (b) của Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã nhận được Đơn kiến nghị xin cấp phép sử dụng chiết xuất ngưu bàng (<i>Arctium lappa</i> L.) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, đề nghị xếp phụ gia này vào nhóm “phụ gia cảm quan” (sensory additives) và nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị” (flavouring compounds). Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) đã tiến hành đánh giá khoa học đối với hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, và kết luận rằng chất này không đáp ứng các điều kiện để được cấp phép theo quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003. Do đó, Dự thảo Quy định nêu trên quyết định từ chối cấp phép và đưa ra giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan có thời gian điều chỉnh trước việc ngừng sử dụng chất này.
6.	G/SPS/N/EU/887	CNTY	Liên minh châu Âu	19/9/2025	Dự thảo của Ủy ban châu Âu về việc từ chối cấp phép chiết xuất nhân sâm từ <i>Panax ginseng</i> C.A. Meyer làm phụ gia thức ăn	Chiết xuất nhân sâm (<i>Panax ginseng</i> C.A. Meyer) đã từng được cấp phép không thời hạn theo Chỉ thị 70/524/EEC làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, chất này được ghi vào Sổ đăng ký phụ gia thức ăn chăn nuôi với tư cách là sản phẩm hiện có, theo Điều 10(1), điểm (b) của

					chăn nuôi cho mèo và chó.	Quy định (EC) số 1831/2003. Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu đã nhận được Đơn kiến nghị xin cấp phép sử dụng chiết xuất nhân sâm (<i>Panax ginseng</i> C.A. Meyer) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, đề nghị xếp phụ gia này vào nhóm “phụ gia cảm quan” (sensory additives) và nhóm chức năng “hợp chất tạo hương vị” (flavouring compounds). Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) đã tiến hành đánh giá khoa học đối với hồ sơ do bên nộp đơn cung cấp, và kết luận rằng chất này không đáp ứng các điều kiện để được cấp phép theo quy định tại Điều 5 của Quy định (EC) số 1831/2003. Do đó, Dự thảo Quy định nêu trên quyết định từ chối cấp phép và đưa ra giai đoạn chuyển tiếp để các bên liên quan có thời gian điều chỉnh trước việc ngừng sử dụng chất này.
7.	G/SPS/N/URY/99	ATTP, TTBVT , CLCB	Uruguay	19/9/2025	Dự thảo Nghị quyết số 07/23 – Quy chuẩn kỹ thuật MERCOSUR về Giới hạn tối đa các chất ô nhiễm kim loại và á kim trong thực phẩm (bãi bỏ các Nghị quyết GMC số 12/11 và 18/21).	Dự thảo MERCOSUR 2025 thay thế hai nghị quyết GMC 12/11 và 18/21, cập nhật giới hạn tối đa (Límite Máximo) cho kim loại và á kim trong thực phẩm. Một số điểm chính: - Áp dụng cho thực phẩm tiêu thụ cho con người, trừ sản phẩm cho trẻ sơ sinh (có quy định riêng). - Giới hạn tính trên phần ăn được, đơn vị mg/kg (ppm). - Giới hạn tính theo trạng thái sản phẩm “như bán” (không cần điều chỉnh độ ẩm). - Nếu thực phẩm là hỗn hợp hoặc đã qua chế biến, phải tính đến yếu tố cô đặc, pha loãng hoặc tỷ lệ thành phần. - Quy định mới sẽ điều chỉnh lại giới hạn asen (As) trong thủy sản sau 30 tháng kể từ khi có hiệu lực. - Các chất gây ô nhiễm được điều chỉnh: Dự thảo đưa ra các giá trị tối đa cho phép đối với các chất gây ô nhiễm kim loại và á kim sau đây, có mặt trong nhiều loại thực phẩm: Arsénico (Arsenic - Á kim), Plomo (Lead – Chì),

						Cadmio (Cadmium - Cadmi), Mercurio (Mercury - Thủy ngân), Estaño (Tin - Thiếc) Một số ví dụ về giới hạn tối đa cho phép đối với các chất gây ô nhiễm chính trong các danh mục thực phẩm cụ thể: <table><tr><th>Chất gây ô nhiễm</th><th>Nhóm thực phẩm áp dụng</th><th>Giới hạn tối đa (mg/kg hoặc ppm)</th></tr><tr><td rowspan="2">Chì (Pb)</td><td>Rau củ tươi</td><td>0,10</td></tr><tr><td>Ngũ cốc</td><td>0,20</td></tr><tr><td>Cadimi (Cd)</td><td>Cá và sản phẩm thủy sản</td><td>0,05 – 0,10 tùy loài</td></tr><tr><td>Asen vô cơ (As)</td><td>Gạo, sản phẩm từ gạo</td><td>0,20</td></tr><tr><td>Thủy ngân (Hg)</td><td>Cá ăn thịt (như cá ngừ)</td><td>1,0</td></tr><tr><td>Thiếc vô cơ (Sn)</td><td>Thực phẩm đóng hộp</td><td>200</td></tr><tr><td>Đồng (Cu)</td><td>Socola, cacao</td><td>5,0</td></tr><tr><td>Kẽm (Zn)</td><td>Sữa bột</td><td>50</td></tr></table> So với quy định cũ, các thay đổi chính gồm: - Cập nhật giá trị giới hạn khắt khe hơn cho asen và chì trong sản phẩm ngũ cốc, gạo và thủy sản. - Bổ sung phạm vi áp dụng cho thực phẩm chế biến, hỗn hợp (composite foods). Thống nhất biểu thức tính giới hạn tối đa theo mg/kg cho tất cả nhóm sản phẩm.	Chất gây ô nhiễm	Nhóm thực phẩm áp dụng	Giới hạn tối đa (mg/kg hoặc ppm)	Chì (Pb)	Rau củ tươi	0,10	Ngũ cốc	0,20	Cadimi (Cd)	Cá và sản phẩm thủy sản	0,05 – 0,10 tùy loài	Asen vô cơ (As)	Gạo, sản phẩm từ gạo	0,20	Thủy ngân (Hg)	Cá ăn thịt (như cá ngừ)	1,0	Thiếc vô cơ (Sn)	Thực phẩm đóng hộp	200	Đồng (Cu)	Socola, cacao	5,0	Kẽm (Zn)	Sữa bột	50
Chất gây ô nhiễm	Nhóm thực phẩm áp dụng	Giới hạn tối đa (mg/kg hoặc ppm)																														
Chì (Pb)	Rau củ tươi	0,10																														
	Ngũ cốc	0,20																														
Cadimi (Cd)	Cá và sản phẩm thủy sản	0,05 – 0,10 tùy loài																														
Asen vô cơ (As)	Gạo, sản phẩm từ gạo	0,20																														
Thủy ngân (Hg)	Cá ăn thịt (như cá ngừ)	1,0																														
Thiếc vô cơ (Sn)	Thực phẩm đóng hộp	200																														
Đồng (Cu)	Socola, cacao	5,0																														
Kẽm (Zn)	Sữa bột	50																														

8.	G/SPS/N/UKR/254	ATTP	Ucraina	17/9/2025	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina Về việc phê duyệt thủ tục và phương pháp đánh giá tác động đến sức khỏe con người của vitamin, khoáng chất và các chất khác, cũng như liều lượng tối đa cho phép trong các sản phẩm thực phẩm được lưu hành dưới dạng thực phẩm bổ sung”	Hiện tại, Ucraina chưa có thủ tục đánh giá tác động đến sức khỏe con người của vitamin, khoáng chất và các chất khác, cũng như liều lượng tối đa cho phép trong các sản phẩm thực phẩm được lưu hành dưới dạng thực phẩm bổ sung. Việc ban hành thủ tục này sẽ cho phép đưa các chất cùng với liều lượng tối đa cho phép của chúng vào Danh mục vitamin, khoáng chất và các chất khác cùng liều lượng tối đa cho phép được sử dụng trong thực phẩm bổ sung tại Ucraina.
9.	G/SPS/N/EU/885	CNTY, CLCB	Liên minh Châu Âu	17/9/2025	Dự thảo Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/405 liên quan đến danh sách các nước thứ ba, vùng lãnh thổ được phép nhập vào Liên minh các lô động vật và hàng hóa để dùng làm thực phẩm cho con người theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện châu Âu và Hội đồng.	Sửa đổi quy định hiện hành về điều kiện nhập khẩu sản phẩm động vật vào EU. Đối tượng áp dụng: Các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho con người. Phạm vi: Ảnh hưởng đến tất cả các đối tác thương mại của EU. Dự thảo này nhằm sửa đổi Nghị định Thực thi (EU) 2021/405, cụ thể: Điều chỉnh danh sách nước thứ ba được phép nhập khẩu: Thêm vào (list) hoặc loại bỏ (delist) các nước thứ ba hoặc vùng lãnh thổ khỏi danh sách được phép xuất khẩu sản phẩm động vật vào EU, thông qua việc rà soát, đánh giá kiểm soát dư lượng (residue control plans) do các nước thứ ba cung cấp cho các mặt hàng khác nhau. Mục tiêu chính: Đảm bảo an toàn thực phẩm. Cơ sở pháp lý: Phù hợp với Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu.
10.	G/SPS/N/GBR/108	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	17/9/2025	Dự thảo MRLs của GB cho hoạt chất dinotefuran sửa đổi Sổ Đăng ký MRL của GB	Dinotefuran không phải hoạt chất được phê duyệt ở GB. HSE nhận được đơn xin thiết lập MRL mới cho nhiều mặt hàng. Sau khi đánh giá, các MRL mới được đưa ra nhằm thiết lập “Import Tolerances” (ngưỡng nhập khẩu). Báo cáo Đánh giá và Dự thảo Ý kiến có lý do hỗ trợ MRL

					mới có trên trang web của HSE. Kết quả đánh giá: mức dư lượng dự kiến trên các sản phẩm cà chua, cà tím, đậu bắp, dưa chuột bao tử, bí ngòi, các loại bầu/bí có vỏ ăn được và trà nằm dưới các giá trị tham chiếu độc tính, do đó không dự kiến ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người tiêu dùng Anh, cụ thể: • MRL 0,3 mg/kg áp dụng cho tất cả cà chua trừ kỷ tử/gojiberries (0,6 mg/kg). • Đào (kể cả xuân đào), nho và cần tây: MRL hiện hành không đáp ứng mức bảo vệ phù hợp của Anh, đề xuất giảm còn 0,01* mg/kg. • Một số mặt hàng chưa có MRL cụ thể, áp dụng mặc định 0,01* mg/kg. Đề xuất thiết lập MRL cụ thể 0,01*–0,05* mg/kg. • Giữ nguyên các MRL trước đây cho các mặt hàng còn lại. Mục tiêu: An toàn thực phẩm.
11.	G/SPS/N/UKR/253	CNTY	Ucraina	17/9/2025	Dự thảo Nghị định của Bộ Kinh tế, Môi trường và Nông nghiệp Ucraina "Về việc phê duyệt Quy trình giám sát và báo cáo về tình trạng kháng thuốc của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người và vi khuẩn cộng sinh khác biệt trong phân bố. Giám sát và báo cáo sẽ bao gồm các vi khuẩn sau: • <i>Salmonella</i> spp.; • <i>Campylobacter coli</i> (<i>C. coli</i>); • <i>Campylobacter jejuni</i> (<i>C. jejuni</i>); • <i>Escherichia coli</i> (<i>E. coli</i>) cộng sinh; • <i>Salmonella</i> spp. và <i>E. coli</i> sản xuất các enzyme như βlactamase phổ rộng (ESBL), β-lactamase AmpC (AmpC) và carbapenemase (CP); • <i>Staphylococcus aureus</i>, kháng methicillin (MRSA).G/SPS/N/UKR/253- 2 có thể bao gồm <i>Enterococcus faecalis</i> (<i>E. faecalis</i>) cộng sinh và <i>Enterococcus faecium</i> (<i>E. faecium</i>).

						Quy trình này cũng sẽ áp dụng cho việc lựa chọn mẫu từ các lô hàng nhập khẩu vào Ucraina. Mục tiêu và lý do: Đảm bảo an toàn thực phẩm, sức khỏe động vật.
12.	G/SPS/N/MEX/392/ Add.2	CNTY	Mexico	16/9/2025	Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi áp dụng của quy định đã được thông báo trước đó	Thông báo về dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn chính thức của Mexico NOM-060-SAG/ZOO-2020: Quy định vệ sinh thú y cho việc xử lý phụ phẩm động vật và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi. Điều chỉnh mục 6.2.1, bỏ yêu cầu về kích thước hạt trong quá trình chế biến bột động vật (đặc biệt với bột từ động vật nhai lại), vì không có rủi ro kỹ thuật; giúp giảm chi phí mua thiết bị sản xuất.
13.	G/SPS/N/TUR/86 /Add.1	BCT, ATTP, CNTY, CLCB	Thổ Nhĩ Kỳ	15/9/2025	Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã thông báo G/SPS/N/TUR/86	Sửa đổi Quy định Codex Thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ về vật liệu, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm. • Bỏ lệnh cấm sử dụng nhựa tái chế trong vật liệu, bao bì tiếp xúc thực phẩm. • Quy định việc tái chế phế liệu, mảnh cắt, sản phẩm phụ từ nhựa. Cập nhật tham chiếu pháp luật và tên bộ ngành theo tình hình hiện tại.
14.	G/SPS/N/CHL/850	TTBVTV	Chi-lê	10/9/2025	Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu hạt giống <i>Corylus</i> spp. (cây phi)	Dự thảo quy định mới về nhập khẩu hạt giống <i>Corylus</i> spp. nhằm cập nhật và hợp nhất các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt giống <i>Corylus</i> spp., thay thế các quy định (Nghị quyết 3305/2003, 3306/2003 và 707/2005), đồng thời bãi bỏ yêu cầu cách ly sau nhập khẩu đối với sản phẩm này. Theo quy định mới, mọi lô hạt giống <i>Corylus</i> khi nhập khẩu vào Chile phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp. Giấy chứng nhận này cần xác nhận lô hàng không nhiễm các dịch hại nguy hiểm như <i>Curculio nuceum</i> , <i>Curculio occidentalis</i> , <i>Trogoderma granarium</i> , đồng thời khẳng định đã được xử lý đối với một số loài sâu bướm như <i>Cydia fagiglandana</i> và <i>Cydia latiferreana</i> . Ngoài ra, bao bì phải mới, chắc chắn, được niêm phong,

					ghi nhãn rõ ràng thông tin về nguồn gốc, nhà sản xuất và không chứa đất, căn bã thực vật hay vật liệu có nguy cơ mang dịch hại. Biện pháp xử lý kiểm dịch bắt buộc (đối với <i>Cydia fagiglandana</i> và <i>Cydia latiferreana</i>): – Hoá chất sử dụng: Phosphine (Magnesium phosphide hoặc Aluminium phosphide). – Liều lượng: 2,5 g/m³. – Thời gian tiếp xúc và nhiệt độ tối thiểu: <table><tr><th>Thời gian tiếp xúc</th><th>Nhiệt độ môi trường (°C)</th></tr><tr><td>7 ngày</td><td>12 – 15 °C</td></tr><tr><td>6 ngày</td><td>16 – 20 °C</td></tr><tr><td>5 ngày</td><td>21 – 25 °C</td></tr><tr><td>4 ngày</td><td>> 26 °C</td></tr></table> Dự thảo cũng đưa ra yêu cầu xử lý bắt buộc, chẳng hạn như xông hơi khử trùng bằng phosphine (fosfuro de aluminio hoặc magnesio) theo điều kiện kỹ thuật nhất định để đảm bảo diệt trừ mầm bệnh. Đây là điều kiện tiên quyết để được phép nhập khẩu, nếu không tuân thủ, lô hàng có thể bị từ chối hoặc tiêu hủy tại cửa khẩu.	Thời gian tiếp xúc	Nhiệt độ môi trường (°C)	7 ngày	12 – 15 °C	6 ngày	16 – 20 °C	5 ngày	21 – 25 °C	4 ngày	> 26 °C
Thời gian tiếp xúc	Nhiệt độ môi trường (°C)														
7 ngày	12 – 15 °C														
6 ngày	16 – 20 °C														
5 ngày	21 – 25 °C														
4 ngày	> 26 °C														
15.	G/SPS/N/NPL/48	ATTP, CLCB, BCT	Nepal	05/9/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn đối với Sản phẩm đậu nành miến (Soya Bari) Cục Công nghệ Thực phẩm và Kiểm soát Chất lượng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Chăn nuôi Nepal đã đề xuất tiêu chuẩn về chất lượng và vệ sinh đối với sản phẩm Soya Bari nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng thông qua kiểm soát chất lượng và an toàn sản phẩm, đồng thời thúc đẩy thương mại công bằng. Ủy ban Codex Alimentarius hiện chưa xây dựng tiêu chuẩn cho đậu nành miến, nhưng tiêu chuẩn này phù hợp với Tiêu chuẩn Khu vực – tiêu chuẩn của FSSAI.										
16.	G/SPS/N/CHN/1339	ATTP	Trung Quốc	04/9/2025	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Trung Quốc: Phụ gia thực phẩm Dự thảo tiêu chuẩn mới sẽ thay thế tiêu chuẩn hiện hành GB 29210-2012 về phụ gia thực phẩm đồng sunfat. Tiêu chuẩn mới điều chỉnh về phạm vi sản phẩm, áp dụng										

					đồng sunfat	cho phụ gia thực phẩm đồng sunfat ngậm 5 nước ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$) được sản xuất từ phản ứng giữa oxit đồng và axit sunfuric, cũng như đồng sunfat khan (anhydrous) đã được sấy khô để loại bỏ nước kết tinh. Bên cạnh đó, dự thảo còn: 1. Thay đổi phương pháp kiểm nghiệm - Sửa đổi cách xác định hàm lượng đồng sunfat trong mẫu. - Bổ sung hoặc sửa lại các phương pháp kiểm nghiệm liên quan đến hàm lượng các tạp chất như sắt (Fe), chì (Pb), tổng arsenic (As), và hàm lượng không kết tủa được của sulfide. 2. Tiêu chí về tính chất lí-hóa - Sửa đổi các chỉ tiêu về tính cảm quan (màu sắc, trạng thái: tinh thể, bột, màu xanh, xanh-xám...) cho cả hai dạng (ngậm nước & khan). - Chỉ tiêu về hàm lượng tối thiểu/tối đa (ví dụ: hàm lượng đồng sunfat phải nằm trong khoảng 98.0-102.0% đối với cả hai dạng) được giữ hoặc điều chỉnh. 3. An toàn và yêu cầu tạp chất - Các giới hạn mới/tăng cường cho các tạp chất như Pb (chì), As (arsenic), Fe (sắt). Yêu cầu kiểm nghiệm sulfide không kết tủa (không rõ ri nước kết tinh) trong mẫu.
17.	G/SPS/N/CHN/1340	ATTP	Trung Quốc	04/9/2025	Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia của Trung Quốc: Phụ gia thực phẩm Lycopene (tổng hợp).	Tiêu chuẩn áp dụng cho phụ gia thực phẩm lycopene tổng hợp, được sản xuất từ muối 3,7,11-trimethyl-2,4,6,10-dodecatetraenyl-triphenylphosphonium và 2,7-dimethylocta-2,4,6-trienedial làm nguyên liệu ban đầu hoặc trung gian, thông qua phản ứng ngưng tụ Wittig, sau đó được tinh chế và kết tinh. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm nghiệm đối với phụ gia thực phẩm lycopene (tổng hợp). Điểm mới của Dự thảo gồm bổ sung giới hạn về dung môi dư (methanol, n-hexane, isopropanol), tro cháy, kim loại

						nặng (As), điều chỉnh phương pháp kiểm nghiệm (xác định độ hòa tan, hấp thu cực đại, HPLC), cùng các ngưỡng kỹ thuật như tổng lycopene $\geq 96\%$, dạng all-trans $\geq 70\%$, tạp chất và kim loại nặng trong giới hạn quy định.
18.	G/SPS/N/IND/333	CNTY	Ấn Độ	03/9/2025	Dự thảo Giấy chứng nhận Thú y cho việc nhập khẩu huyết thanh bò vào Ấn Độ	Nội dung chính của thông báo “Dự thảo Giấy chứng nhận Thú y cho việc nhập khẩu huyết thanh bò vào Ấn Độ” yêu cầu cơ quan Hải quan/thú y của nước xuất khẩu phải tuyên bố rằng sản phẩm huyết thanh bò đáp ứng các yêu cầu sau: 1. Thông tin kiểm dịch: - Nguy cơ BSE thấp hoặc huyết thanh thu từ động vật cho máu không bị nhiễm mô thần kinh (nervous tissue). - Nước xuất khẩu phải được liệt vào danh sách không có bệnh lở mồm long móng (Foot and Mouth Disease – FMD) và BVD (Bovine Viral Diarrhea) theo danh mục của WOAH; nếu không, lô hàng phải đi kèm giấy chứng nhận chất lượng và xét nghiệm âm tính với các loại virus này. - Động vật cho huyết thanh phải được kiểm tra trước và sau khi giết mổ (ante- và post-mortem) tại lò mổ được cơ quan thú y công nhận, không có dấu hiệu lâm sàng của các bệnh truyền nhiễm như Anthrax, FMD, Lumpy Skin Disease. - Động vật cho serum phải được đánh dấu nhận dạng cá nhân (tag hoặc tattoo) ít nhất 6 tháng trước khi lấy huyết thanh, và lô sản xuất phải có danh sách nhận dạng này. - Huyết thanh không được từ vùng/quốc gia bị nhiễm bệnh, hoặc nếu có phải có chứng nhận âm tính. - Sản phẩm phải được thu lượm bởi đội ngũ được đào tạo, được công nhận, theo quy trình phòng thí nghiệm & bảo đảm sinh học (biosafety/biosecurity) quốc tế. - Bao đóng phải mới, sạch, ít tiếp xúc với nguồn có thể gây lây bệnh. - Serum phải vô khuẩn, chỉ được sử dụng cho mục đích đã khai báo (thí nghiệm/nghiên cứu). 2. Yêu cầu sau nhập khẩu (Post-import clearance)

						- Khi đến Ấn Độ, lô hàng và tài liệu phải được kiểm tra bởi dịch vụ kiểm dịch thú y & chứng nhận (Animal Quarantine & Certification Services). - Nếu tài liệu hoặc sản phẩm không đúng như quy định, sẽ có hành động xử lý (ví dụ: từ chối nhập khẩu, yêu cầu xuất lại hoặc tiêu hủy). - Nếu nhập khẩu từ quốc gia có FMD hoặc BVD, mẫu sẽ được lấy để xét nghiệm tại các viện chuyên môn tương ứng (ICAR-NIHSD cho BVD, ICAR-NIFMD cho FMD). Sản phẩm và quy trình xử lý phải tuân thủ các quy định về Bio-Medical Waste nếu có xử lý thải.
19.	G/SPS/N/UKR/252	CNTY, CLCB	Ucraina	03/9/2025	Dự thảo Lệnh của Bộ Kinh tế, Môi trường và Nông nghiệp Ukraina “Về việc sửa đổi Lệnh số 813 ngày 20/10/2022 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina”	Dự thảo Lệnh của Bộ Kinh tế, Môi trường và Nông nghiệp Ukraina về việc sửa đổi Lệnh số 813 ngày 20/10/2022 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina, tiêu đề: “<i>Về việc phê duyệt Yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và lưu thông sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật</i>”. Văn bản quy định các yêu cầu vệ sinh đối với sản xuất và lưu thông sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật. Những thay đổi được đề xuất tập trung vào các lĩnh vực sau: - Hoạt động của các lò mổ di động; - Quy định về vận chuyển thịt; - Quy trình sản xuất thịt ủ khô (dry-aged meat); - Yêu cầu nhiệt độ trong bảo quản sản phẩm thủy sản; - Tiêu chuẩn cảm quan đối với trứng; Việc sử dụng axit lactic và nước nóng tuần hoàn nhằm giảm ô nhiễm vi sinh vật bề mặt của thân thịt.
20.	G/SPS/N/EU/878	CNTY	Liên minh châu Âu	01/9/2025	Quy định thi hành của Ủy ban (EU) 2025/1523 ngày 28/7/2025 về việc cho phép sử dụng chế phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> NCIMB 30094 làm chất bổ sung thức ăn chăn nuôi	Liên minh châu Âu lần đầu tiên cho phép trong thời hạn mười năm việc sử dụng chế phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> NCIMB 30094 làm chất bổ sung thức ăn chăn nuôi, thuộc nhóm phụ gia “phụ gia công nghệ” và trong nhóm chức năng “phụ gia ủ chua”, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Tuy nhiên, EFSA cũng cảnh báo có thể kích ứng mắt, và được xem là có khả năng gây dị ứng qua

					nuôi cho tất cả các loài động vật Yếu tố Nội dung Phương thức phân liều tối thiểu Khi phụ gia được dùng riêng (không kết hợp với các vi sinh vật khác), liều tối thiểu là 1 × 10⁹ CFU/kg nguyên liệu tươi sử dụng để ủ chua. Hàm lượng Chế phẩm phải chứa tối thiểu 5 × 10¹⁰ CFU/g phụ gia. Các chất trợ bảo quản (cryoprotectants) được phép dùng trong chế phẩm Ví dụ: glycine (tối đa 18 %), sodium erythorbate (tối đa 18 %) được phép làm chất bảo vệ tế bào trong quá trình chuẩn bị chế phẩm. Biện pháp bảo hộ người sử dụng Khi phụ gia được xử lý (vd. phủ/trộn/chuyển từ dạng hỗn hợp dự trữ), nếu có rủi ro tiếp xúc da/hô hấp/với mắt — người làm việc phải dùng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang, v.v.). Thông tin lưu trữ & hướng dẫn sử dụng Trên nhãn phụ gia/tiền hỗn hợp (premixes) phải ghi rõ điều kiện lưu trữ, Quy định sẽ có hiệu lực sau 20 ngày kể từ khi công bố trên Công báo chính thức của EU. Phê duyệt này có thời hạn 10 năm, tức là đến ngày 18/8/2035 sẽ hết hạn nếu không được gia hạn.
21.	G/SPS/N/EU/880	CNTY	Liên minh châu Âu	01/9/2025	Quy định thi hành của Ủy ban (EU) 2025/1504 ngày 25/7/2025 về việc gia hạn cho phép sử dụng chế Quy định EU 2025/1504 ban hành ngày 25/7/2025 để gia hạn phê duyệt chế phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i>NCIMB 40027 như phụ gia thức ăn cho tất cả các loài động vật, thuộc loại phụ gia công nghệ và nhóm

					phẩm <i>Lactiplantibacillus plantarum</i> NCIMB 40027 làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật và sửa đổi Quy định thi hành (EU) số 1113/2013 (Văn bản có liên quan đến Khu vực Kinh tế Châu Âu – EEA).	chức năng là phụ gia ủ chua. Việc gia hạn dựa trên kết luận khoa học thuận lợi của EFSA (Ngày 26/11/2024) rằng chế phẩm này vẫn an toàn cho động vật, người tiêu dùng và môi trường. EFSA cũng kết luận rằng chế phẩm không kích ứng da hoặc mắt, nhưng có thể là tác nhân nhạy cảm về da và hô hấp đối với người sử dụng nếu có tiếp xúc. Các điều kiện & yêu cầu kỹ thuật: - Chế phẩm phải chứa ít nhất 1×10^{11} CFU/g phụ gia. - Liều tối thiểu sử dụng khi không kết hợp với vi sinh vật khác như phụ gia ủ chua là: • 1×10^8 CFU/kg vật liệu tươi ủ chua nếu vật liệu dễ ủ hoặc trung bình khó ủ. • 1×10^9 CFU/kg vật liệu tươi nếu vật liệu khó ủ. - Trong chế phẩm có thể sử dụng chất bảo vệ tế bào (cryoprotectants) như glycine (≤ 20 %) hoặc sodium erythorbate (≤ 20 %) để bảo đảm hiệu suất khi lưu trữ hoặc xử lý. - Trong hướng dẫn sử dụng và tiền hỗn hợp, phải ghi rõ điều kiện bảo quản của phụ gia. - Nếu có rủi ro tiếp xúc da hoặc đường hô hấp trong quá trình sử dụng, phải có biện pháp bảo hộ cá nhân phù hợp cho người xử lý. Gia hạn phê duyệt có hiệu lực kể từ ngày quy định được công bố. Phụ gia và thực phẩm chứa nó được sản xuất và ghi nhãn trước ngày 17/8/2026 theo quy định cũ có thể tiếp tục lưu hành cho đến khi hết hàng tồn kho. Phê duyệt mới kết thúc vào 17/8/2035.
22.	G/SPS/N/CHN/1071/Add.1	CNTY	Trung Quốc	29/8/2025	Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó	Nội dung thông báo của Trung Quốc liên quan đến sửa đổi “Tiêu chuẩn An toàn Thực phẩm Quốc gia: Sản phẩm huyết tương động vật ăn được”: 1. Điều chỉnh phạm vi áp dụng: - Tiêu chuẩn hiện chỉ áp dụng cho sản phẩm máu ăn được từ gia súc, gia cầm, và phải được sản xuất từ máu của một loài duy nhất (không pha trộn nhiều loài).

					- Không áp dụng cho các sản phẩm được xử lý bằng phương pháp sinh hóa phân hủy, phơi khô vật lý hoặc các công nghệ tương tự. 2. Yêu cầu chỉ tiêu hóa – lý: - Loại bỏ yêu cầu về độ ẩm và nitơ bay hơi tổng số trong sản phẩm. - Phẩm chất cảm quan: màu sắc (cắt mặt quan sát), trạng thái (tính đàn hồi, độ đặc, có lỗ khí nếu thích hợp), mùi vị hợp lý, không có mùi vị lạ, ngoại vật hoặc ẩm mốc. - Có các chỉ tiêu cụ thể yêu cầu protein tối thiểu ≥ 4.0 g/100g; các tiêu chuẩn khác tuân theo quy định quốc gia / tiêu chuẩn thực phẩm an toàn; sử dụng phụ gia, phụ liệu phải tuân theo GB 2760, - Vi sinh: giới hạn tổng số vi khuẩn (Colony forming units – CFU) và số nhóm <i>E. coli</i> theo các mẫu nghiệm định sẵn; quy trình lấy mẫu theo tiêu chuẩn quốc gia. 3. Xóa bỏ quy định về giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) của thuốc thú y: Tiêu chuẩn mới không còn quy định nội dung này. Bổ sung quy định về đặt tên sản phẩm: Tên sản phẩm phải ghi rõ ràng loài gia súc hoặc gia cầm được sử dụng làm nguyên liệu.
23.	G/SPS/N/CHN/1089 /Add.1	ATTP	Trung Quốc	29/8/2025	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tiêu chuẩn chung về thực phẩm dành cho người cao tuổi Dựa trên tài liệu G/SPS/N/CHN/1089 đã được thông báo ngày 20/9/2018 về Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Tiêu chuẩn chung đối với thực phẩm cho người cao tuổi, các sửa đổi như sau: - Tên tiêu chuẩn đã được điều chỉnh; - Nội dung tiêu chuẩn đã được sửa đổi. Chi tiết các nội dung sửa đổi như sau: 1. Phạm vi áp dụng và định nghĩa - Tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm thực phẩm bổ sung dinh dưỡng cho người cao tuổi (đối tượng người từ 60 tuổi trở lên). - Thực phẩm này được làm từ một hoặc nhiều chất nền:

					sữa, sản phẩm sữa – đạm sữa, đậu nành, sản phẩm đậu nành, kết hợp với vitamin, khoáng chất và/hoặc các nguyên liệu thực phẩm khác để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng đặc thù của người cao tuổi. 2. Yêu cầu kỹ thuật, an toàn và hàm lượng dinh dưỡng - Khẩu phần khuyến nghị mỗi ngày của thực phẩm bổ sung này không vượt quá 50g. - Nguyên liệu phải tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn tương ứng, đậu nành và sản phẩm từ đậu nành phải được xử lý nhiệt để loại bỏ các chất chống dinh dưỡng như ức chế trypsin. - Đạm có chất lượng cao: ít nhất chiếm 20% tổng khối lượng sản phẩm. - Không được sử dụng dầu hydro hóa. 3. Yêu cầu cảm quan, vi sinh và ô nhiễm - Sản phẩm phải có màu sắc, mùi vị, cấu trúc phù hợp với bản chất sản phẩm, không có ngoại vật nhìn thấy bằng mắt thường. - Các hàm lượng vi sinh, vi khuẩn <i>pathogenic</i>, tổng số vi khuẩn, <i>E. coli</i>, phải tuân theo tiêu chuẩn quốc gia được trích dẫn (ví dụ GB 29921 cho vi sinh) và các giới hạn vi sinh khác được quy định rõ. - Có kiểm soát chất độc (nấm mốc/mycotoxin) theo quy định của các tiêu chuẩn phụ cho thực phẩm bổ sung. 4. Thành phần dinh dưỡng bắt buộc & lựa chọn - Các vitamin và khoáng chất bắt buộc theo tiêu chuẩn bao gồm: vitamin A, vitamin D, vitamin B1, B2, B12, axit folic, vitamin C, canxi, sắt, kẽm, v.v... với khoảng hàm lượng cụ thể cho mỗi thành phần. - Có các thành phần tùy chọn, nếu được bổ sung hoặc ghi rõ trên nhãn, thì phải tuân theo yêu cầu về hàm lượng theo tiêu chuẩn (ví dụ vitamin E, vitamin K2, B6, niacin, magiê, selen, EPA/DHA, chất xơ thực phẩm, lutein...). -
--	--	--	--	--	---

						5. Nhân hiệu & cảnh báo thông tin - Trên nhãn sản phẩm phải có dòng chữ “Thực phẩm bổ sung dinh dưỡng dành cho người cao tuổi”. Cần có cảnh báo như: “Sản phẩm này không thể thay thế chế độ ăn uống bình thường” và “Sản phẩm chứa nhiều vi chất, khi sử dụng cùng các sản phẩm tương tự khác cần chú ý tổng lượng sử dụng.”
24.	G/SPS/N/CHN/1287 /Add.1	BCT, ATTP, CNTY	Trung Quốc	29/8/2025	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Sữa biến tính	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Sữa biến tính Dựa trên tài liệu G/SPS/N/CHN/1287 đã được thông báo ngày 25/10/2023, tiêu chuẩn này có các sửa đổi như sau: - Bổ sung yêu cầu “ngoại trừ sữa đặc có hương vị” đối với nguyên liệu sữa cô đặc; - Bãi bỏ yêu cầu cảm quan về việc cho phép lớp béo nổi lên trên bề mặt; - Sửa đổi mô tả về quy trình sản xuất sữa bột và quy định ghi nhãn đối với sữa hoàn nguyên; - Bổ sung quy định đối với sản phẩm dạng lỏng làm từ sữa tươi chỉ có bổ sung enzym lactase, làm rõ rằng tiêu chuẩn có thể áp dụng theo quy trình sản xuất của sản phẩm. Chi tiết một số nội dung sửa đổi được trình bày trong toàn văn tiêu chuẩn, trong đó: 1. Thông tin chung và mục đích của sửa đổi - Đây là phiên bản mới thay thế tiêu chuẩn GB 25191-2010 về sữa điều chế/sữa tái hợp (modified/reconstituted milk). - Các thay đổi đáng chú ý bao gồm: điều chỉnh phạm vi áp dụng, cập nhật các thuật ngữ & định nghĩa, phương pháp kiểm nghiệm lý hóa được cập nhật, và thay đổi giới hạn vi sinh (pathogen) theo tiêu chuẩn GB 29921. 2. Phạm vi áp dụng - Tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm sữa điều chế, tức là sản phẩm từ sữa tươi, sữa cô đặc, sữa bột hoặc các thành phần chính từ những nguồn này, có thêm các nguyên liệu phụ, phụ gia, hoặc chất tăng cường dinh dưỡng.

					- Không áp dụng cho các sản phẩm lỏng làm từ sữa tươi chỉ thêm enzym lactase - tức sữa tươi có xử lý enzym này thì dùng tiêu chuẩn riêng. 3. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng & an toàn - Yêu cầu nguyên liệu: sữa tươi phải đáp ứng GB 19301, sữa cô đặc phải theo GB 13102, sữa bột theo GB 19644. - Yêu cầu cảm quan: màu sắc, trạng thái, mùi vị không có mùi lạ, đồng đều, không có cặn, không có vật lạ nhìn bằng mắt thường. - Chỉ tiêu lý hóa: hàm lượng chất béo tối thiểu $\geq 2,5$ g/100 g; protein $\geq 2,3$ g/100 g đối với các sản phẩm từ sữa bò hoặc sữa cừu. Giới hạn ô nhiễm & vi sinh: tuân thủ GB 2762 và GB 2761 về chất độc/hóa chất & mycotoxin; vi sinh theo GB 29921; giới hạn tổng vi khuẩn, đại diện <i>E. coli</i>, các vi khuẩn gây bệnh theo các phương pháp được quy định.
25.	G/SPS/N/CHN/1293 /Add.1	BCT, ATTP, CNTY, CLCB	Trung Quốc	29/8/2025	Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc gia: Yêu cầu an toàn chung đối với vật liệu và vật dụng tiếp xúc với thực phẩm Thông báo trên liên quan đến Dự thảo Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia của Trung Quốc: Yêu cầu an toàn chung đối với vật liệu và sản phẩm tiếp xúc với thực phẩm, các sửa đổi như sau: - Bổ định nghĩa về “hàng rào hoàn chỉnh” (complete barrier) và các yêu cầu liên quan. - Sửa đổi phần Nguyên tắc tuân thủ, tức các nguyên tắc đảm bảo an toàn khi sử dụng vật liệu/sản phẩm tiếp xúc thực phẩm. - Điều chỉnh nội dung mục Thông tin sản phẩm, quy định về các thông tin cần được ghi, công bố hoặc chứng nhận liên quan đến sản phẩm tiếp xúc thực phẩm. 1. Thay thế các tiêu chuẩn trước & phạm vi áp dụng mới - Tiêu chuẩn mới sẽ thay thế tiêu chuẩn hiện hành GB 4806.1-2016 và GB 4806.13-2023 về yêu cầu chung cho vật liệu và sản phẩm tiếp xúc thực phẩm. - Phạm vi được mở rộng để áp dụng cho mọi loại vật liệu và sản phẩm tiếp xúc thực phẩm (bao gồm vật liệu đóng

					gói, bao bì, dụng cụ, thiết bị, mực in, keo dán, v.v.) trong toàn chuỗi: sản xuất, chế biến, đóng gói, vận chuyển, bảo quản, bán hàng và sử dụng. 2. Cập nhật thuật ngữ, định nghĩa & yêu cầu an toàn - Sửa đổi các thuật ngữ và định nghĩa, đặc biệt các khái niệm như "vật liệu tiếp xúc thực phẩm", "vật liệu tổng hợp/ kết hợp/ hợp chất", "tổng chuyển đổi (total migration)", "giới hạn chuyển đổi đặc biệt" và các định nghĩa liên quan. - Yêu cầu cơ bản bao gồm: các vật liệu không tiếp xúc thực phẩm khi sử dụng phải không làm ảnh hưởng tiêu cực tới thực phẩm; phải kiểm soát lượng chuyển chất từ vật liệu sang thực phẩm; sản xuất vật liệu tiếp xúc thực phẩm phải đảm bảo nguyên liệu, phụ liệu, keo, lớp phủ, mực đều đạt tiêu chuẩn tương ứng; các chất không được thêm có hại (carcinogen, genotoxic, nanomaterials) nếu không có dữ liệu an toàn; tất cả vật liệu phải đáp ứng giới hạn chuyển đổi tổng (OML), chuyển đổi đặc biệt (SML) và các giới hạn dư lượng nếu có. 3. Yêu cầu về kiểm nghiệm, truy xuất nguồn gốc & thông tin sản phẩm - Phương pháp kiểm nghiệm được quy định rõ: thử nghiệm di chuyển, tổng di chuyển, di chuyển đặc biệt, dư lượng, các thông số vi sinh vật nếu có quy định tương ứng. - Truy xuất nguồn gốc: Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu tiếp xúc thực phẩm phải thiết lập hệ thống truy xuất để theo dõi nguyên liệu đầu vào, phụ liệu, quá trình sản xuất, phân phối sản phẩm. - Yêu cầu thông tin sản phẩm: trên nhãn hoặc tài liệu đi kèm phải có tuyên bố phù hợp, tên sản phẩm, chất liệu, nhà sản xuất/ phân phối, các lưu ý sử dụng (ví dụ giới hạn độ tiếp xúc, loại thực phẩm được phép tiếp xúc, điều kiện sử dụng, nhiệt độ, thời gian sử dụng)
26.	G/SPS/N/UKR/244/Add.1	BCT	Ucraina	29/8/2025	Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương Ucraina đã thông báo việc ban hành Lệnh số 1910 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực ngày 01/7/2025,

					thực Ucraina ‘Về việc sửa đổi Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina số 157 ngày 13/4/2016’	sửa đổi Lệnh số 157 ngày 13/4/2016 “Về việc phê duyệt các Yêu cầu đối với sản phẩm từ ca cao và sô-cô-la”. Quy định này đã được đăng ký tại Bộ Tư pháp ngày 23/7/2025, được công bố ngày 26/8/2025 và sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày công bố chính thức, tức là ngày 26/2/2026. Nội dung sửa đổi bao gồm việc điều chỉnh phần mở đầu nhằm đồng bộ với các luật mới về an toàn thực phẩm và quy chuẩn kỹ thuật, đồng thời bổ sung Khoản 4 sau Khoản 3. Theo đó, các tên gọi sản phẩm được định nghĩa tại các Tiêu khoản 1, 5, 7, 10, 15 và 16 của Khoản 3 được xác định là tên gọi sản phẩm thực phẩm chỉ được phép sử dụng khi đáp ứng các yêu cầu tương ứng, được sử dụng trong thương mại để chỉ sản phẩm và có thể xuất hiện trong tên sản phẩm khác với điều kiện không gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng. Việc kiểm soát thực thi được giao cho Thứ trưởng Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực, và văn bản sẽ được đăng ký với Bộ Tư pháp theo quy định.
27.	G/SPS/N/ARM/60	CNTY	Armenia	28/8/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Danh mục chung các hàng hóa thuộc diện kiểm dịch (giám sát) thú y.	Dự thảo này sửa đổi Danh mục chung các hàng hóa thuộc diện kiểm dịch (giám sát) thú y liên quan đến nhóm 3501 trong Danh mục Hàng hóa chung của Hoạt động Kinh tế Đối ngoại của Liên minh Kinh tế Á-Âu.
28.	G/SPS/N/ARM/61	CNTY	Armenia	28/8/2025	Dự thảo Quyết định của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quy định về các yêu cầu thú y chung (yêu cầu vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch (giám sát) thú y; và Dự thảo Quyết định của Đoàn Chủ tịch Ủy	Các dự thảo quyết định này sửa đổi các yêu cầu thú y chung (yêu cầu vệ sinh và thú y) với việc bổ sung các quy định về điều kiện nhập khẩu hàng hóa thuộc diện kiểm soát vào lãnh thổ Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU), đồng thời chỉnh sửa một số chương cụ thể của các yêu cầu liên quan đến động vật sống và các bệnh truyền nhiễm ở động vật. Các dự thảo cũng bao gồm việc cập nhật các văn bản liên quan của Ủy ban như sau: • Các sửa đổi về mặt pháp lý và kỹ thuật;

					ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Mẫu Giấy chứng nhận thú y chung cho việc nhập khẩu hàng hóa kiểm soát từ các nước thứ ba vào lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu.	• Bổ sung các thuật ngữ và định nghĩa mới được sử dụng trong văn bản; • Hải hòa hóa tên gọi bệnh học của các bệnh động vật; • Chuẩn hóa cách diễn đạt đối với một số quy định được lặp lại nhiều lần trong văn bản; • Bãi bỏ phần “Quy định Cuối cùng và Chuyển tiếp” của các Yêu cầu. Ngoài ra, các dự thảo quyết định cũng sửa đổi tương ứng các mẫu Giấy chứng nhận thú y.
29.	G/SPS/N/IND/332	CNTY	Ấn Độ	25/8/2025	Dự thảo Giấy chứng nhận sức khỏe thú y cho việc nhập khẩu gelatin có nguồn gốc từ xương hoặc da của bò/lợn (không phải động vật hoang dã hoặc sống hoang) vào Ấn Độ	Ấn Độ xây dựng một mẫu giấy chứng nhận sức khỏe thú y dành riêng cho việc nhập khẩu gelatin có nguồn gốc từ xương hoặc da của bò/lợn (không phải động vật hoang dã). Mục tiêu là đảm bảo gelatin nhập khẩu an toàn cho sức khỏe con người và động vật, không mang mầm bệnh. Nội dung chính • Mẫu giấy chứng nhận này quy định các điều kiện thú y bắt buộc đối với gelatin nhập khẩu: ◦ Phải có nguồn gốc từ động vật nuôi (không hoang dã hoặc sống hoang) ◦ Được xử lý và sản xuất tại cơ sở được kiểm soát thú y ◦ Không mang mầm bệnh truyền nhiễm (đặc biệt là bệnh lở mồm long móng, BSE, v.v.) ◦ Tuân thủ các tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) – Chương 6.3 của Bộ quy tắc sức khỏe động vật trên cạn • Giấy chứng nhận phải do cơ quan thú y có thẩm quyền tại nước xuất khẩu cấp, xác nhận rằng sản phẩm: ◦ Được sản xuất từ nguyên liệu an toàn ◦ Đã qua xử lý nhiệt hoặc hóa học phù hợp ◦ Được vận chuyển trong điều kiện vệ sinh đảm bảo
30.	G/SPS/N/TZA/461	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1038:2025, Phô mai Karish — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania dự thảo tiêu chuẩn quốc gia mới về phô mai Karish, quy định yêu cầu chất lượng, an toàn và phương pháp thử nghiệm, nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm. Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý

						kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Karish dùng trực tiếp cho người hoặc để chế biến tiếp
31.	G/SPS/N/TZA/462	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1057:2025, Sữa chua — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Tanzania dự thảo tiêu chuẩn quốc gia mới về sữa chua, quy định yêu cầu chất lượng, an toàn và phương pháp thử nghiệm, nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm. Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm cho sản phẩm sữa chua.
32.	G/SPS/N/TZA/463	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1047:2025, Kem pha trộn — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn DARS 1047:2025 về Kem pha trộn — Đặc điểm kỹ thuật, dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm cho kem lạnh pha trộn nhằm mục đích tiêu thụ trực tiếp của con người hoặc chế biến thêm.
33.	G/SPS/N/TZA/464	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1046:2025, Phô mai Mozzarella pha trộn — Đặc điểm, Ấn bản đầu tiên.	Tanzania dự thảo tiêu chuẩn quốc gia mới cho phô mai Mozzarella pha trộn, yêu cầu về chất lượng, thử nghiệm vi sinh, chất gây ô nhiễm, phụ gia... nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm. Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật, lấy mẫu và phương pháp thử đối với phô mai Mozzarella pha trộn dùng để tiêu thụ trực tiếp hoặc chế biến tiếp.
34.	G/SPS/N/TZA/465	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1044:2025, Phô mai Romadur — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.	Tanzania dự thảo tiêu chuẩn quốc gia mới cho phô mai Romadur yêu cầu về chất lượng, thử nghiệm vi sinh, chất gây ô nhiễm, phụ gia... nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm. Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này Quy định các yêu cầu kỹ thuật, lấy mẫu và phương pháp thử đối với phô mai Romadur dùng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc để chế biến tiếp.

35.	G/SPS/N/TZA/466	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1045:2025, Phô mai Labneh — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia cho Phô mai Labneh — Đặc điểm kỹ thuật, Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm cho phô mai Labneh nhằm mục đích tiêu thụ trực tiếp bởi con người hoặc để xử lý thêm.
36.	G/SPS/N/TZA/467	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1043:2025, Phô mai Harzer — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về Phô mai Harzer — Đặc điểm kỹ thuật, Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Harzer được sử dụng cho tiêu thụ trực tiếp hoặc để xử lý thêm.
37.	G/SPS/N/TZA/468	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1042:2025, Phô mai Butterkase — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn về Phô mai Butterkase — Đặc điểm kỹ thuật, Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Butterkase được sử dụng cho tiêu thụ trực tiếp hoặc để chế biến tiếp.
38.	G/SPS/N/TZA/469	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1039:2025, Phô mai Limburger — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn về Phô mai Limburger — Đặc điểm kỹ thuật, Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Limburger được sử dụng cho tiêu thụ trực tiếp hoặc để xử lý thêm.
39.	G/SPS/N/TZA/470	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1037:2025, Phô mai Domiati — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên	Tanzania Dự thảo Tiêu chuẩn về Phô mai Domiati — Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên được thông báo trong G/SPS/N/TZA/470 ngày 21/8/2025. Thời hạn gửi ý kiến: Sáu mươi ngày kể từ ngày phát hành thông báo và/hoặc (ngày/tháng/năm): 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Domiati được sử dụng cho tiêu thụ trực tiếp hoặc để chế biến tiếp.
40.	G/SPS/N/TZA/461	BCT	Tanzania,	21/8/2025	DARS 1038:2025, Phô mai	Tanzania dự thảo tiêu chuẩn quốc gia mới về phô mai

					Karish — Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên	Karish, quy định yêu cầu chất lượng, an toàn và phương pháp thử nghiệm, nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm. Dự kiến áp dụng sau 6 tháng kể từ khi công bố, hiện đang lấy ý kiến đến ngày 20/10/2025. Tiêu chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với phô mai Karish dùng trực tiếp cho người hoặc để chế biến tiếp.
41.	G/SPS/N/GBR/106	ATTP, TTBVTV	Vương quốc Anh	15/8/2025	Vương quốc Anh sửa đổi MRL mới đối với oxathiapiprolin	Oxathiapiprolin là một hoạt chất được phê duyệt tại Vương quốc Anh, sau khi đánh giá mức độ phơi nhiễm của người tiêu dùng về giá trị tham chiếu độc tính và dự kiến sẽ không gây ra tác động đến người tiêu dùng. Do vậy, Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe đề xuất mức dư lượng mới MRLs cho phù hợp, chi tiết quy định tại: https://www.hse.gov.uk/pesticides/assets/docs/mrln-abak-0952.pdf
42.	G/SPS/N/KOR/828	CNTY	Hàn Quốc	13/8/2025	Thông báo sửa đổi một phần (Dự thảo) về Phạm vi áp dụng đối ong và mật ong	Mục đích của thông báo sửa đổi một phần này nhằm: (1) Bổ sung mật ong nuôi và phần hoa do ong thu thập vào danh mục đối tượng kiểm dịch; (2) Thiết lập phương pháp và tiêu chuẩn kiểm dịch để ngăn ngừa sự xâm nhập của các bệnh ong.
43.	G/SPS/N/BGD/12	ATTP, CLCB, CNTY, BCT, TTBVTV	Băng La Đét	13/8/2025	Dự thảo quy định An toàn thực phẩm (nguyên liệu tiếp xúc với thực phẩm) năm 2024	Dự thảo Quy định về An toàn Thực phẩm (Vật liệu Tiếp xúc với Thực phẩm) năm 2024 của Bangladesh bao gồm các hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm liên quan đến các vật liệu tiếp xúc với thực phẩm. Dự thảo này thay thế Quy định về An toàn Thực phẩm (Vật liệu tiếp xúc với thực phẩm) năm 2019.
44.	G/SPS/N/EU/876	TTBVTV	Liên minh châu Âu	12/8/2025	Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 về các yêu cầu đối với việc đưa vào và sự lan truyền trong lãnh thổ Liên minh châu Âu của loài <i>Aromia bungii</i> (Faldermann).	Dự thảo sửa đổi các biện pháp của EU đối với loài <i>Aromia bungii</i> (Faldermann) bằng cách mở rộng phạm vi cây ký chủ bao gồm toàn bộ các loài thuộc chi <i>Prunus</i> và cập nhật các mã CN được quy định trong các yêu cầu nhập khẩu tương ứng.
45.	G/SPS/N/COL/394	TTBVTV	Colombia	12/8/2025	"Dự thảo Nghị quyết 'Cấm	Biện pháp cấm nhập khẩu, sản xuất, buôn bán và sử dụng

					nhập khẩu, sản xuất, buôn bán và sử dụng hoạt chất bromua metyl cũng như các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất này'."	hoạt chất bromua metyl, cũng như các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất này, đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 2152 năm 1996, được sửa đổi bởi Nghị quyết số 5049 năm 2008.
46.	G/SPS/N/SAU/571	CNTY	Ả Rập Xê Út	06/8/2025	Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dự thảo quy chuẩn kỹ thuật này quy định mức giới hạn tối đa dư lượng (MRLs) của thuốc bảo vệ thực vật và các dư lượng phát sinh ngẫu nhiên có trong hoặc trên thức ăn chăn nuôi.
47.	G/SPS/N/IDN/149 /Add.1	CLCB, CNTY, TSKN	Indonesia	06/8/2025	Dự thảo Nghị định của Chủ tịch Cơ quan Kiểm dịch Indonesia về Tài liệu và Niêm phong Kiểm dịch	Nghị định số 9 năm 2024 của Chủ tịch Cơ quan Kiểm dịch Indonesia về Tài liệu và Niêm phong Kiểm dịch Phụ lục này liên quan đến: Cơ quan Kiểm dịch Indonesia (Indonesian Quarantine Authority - IQA), là cơ quan có thẩm quyền biên giới chính thức của Indonesia như đã được thông báo trong WTO G/SPS/N/IDN/148, quy định các loại tài liệu cho xuất khẩu và nhập khẩu động vật và sản phẩm động vật, cá và sản phẩm thủy sản, cây trồng và sản phẩm thực vật ra vào lãnh thổ Cộng hòa Indonesia. Trọng tâm đối với lĩnh vực kiểm dịch thủy sản: IQA quy định tài liệu đối với xuất khẩu cá và sản phẩm thủy sản từ Indonesia sang các nước nhập khẩu. Tài liệu được IQA quy định là Giấy chứng nhận kiểm dịch sức khỏe (Health Certificate - HC KI-1) với mã tài liệu KI-1, theo Nghị định số 9 năm 2024 của Chủ tịch Cơ quan Kiểm dịch Indonesia. Để đảm bảo sức khỏe cá và an toàn và chất lượng sản phẩm thủy sản, IQA với tư cách là cơ quan có thẩm quyền sẽ cấp HC xuất khẩu cá và sản phẩm thủy sản từ Indonesia sang các nước nhập khẩu. Tài liệu này chứng nhận rằng cá và sản phẩm thủy sản đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm do nước nhập khẩu quy định, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định quốc tế, tạo thuận lợi cho thủ tục hải quan và kiểm dịch. Ngoài ra, đối với việc nhập khẩu cá và sản phẩm thủy sản vào lãnh thổ Indonesia, IQA quy định:

						- Thông báo trước (Prior Notice, mã tài liệu: K-1.2): cung cấp thông tin ban đầu và thông báo về hàng hóa sẽ xuất khẩu sang Indonesia và phải được nhà xuất khẩu gửi cho IQA trước khi hàng hóa rời cảng đi Indonesia. - Thông báo về không tuân thủ (Notification of Non-Compliance, mã tài liệu: K-7.4): cung cấp thông báo về các trường hợp không tuân thủ liên quan đến vấn đề SPS trong quá trình nhập khẩu cá và sản phẩm thủy sản vào lãnh thổ Indonesia.
48.	G/SPS/N/EU/875	BCT	Liên minh châu Âu	06/8/2025	Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Quy định (EU) 2023/1442 liên quan đến các biện pháp chuyển tiếp đối với vật liệu và sản phẩm nhựa được sản xuất từ axit salicylic hoặc bột gỗ/sợi gỗ chưa xử lý.	Dự thảo quy định này sửa đổi biện pháp chuyển tiếp trong Quy định (EU) 2023/1442 bằng cách điều chỉnh thời hạn mà Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFSA) phải xem xét và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ xin cấp phép đối với bột gỗ hoặc sợi gỗ chưa xử lý. Với sửa đổi này, các bên nộp đơn sẽ có thêm thời gian hợp lý để hoàn tất hồ sơ xin cấp phép.
49.	G/SPS/N/ARE/174/Add.2	BCT	Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	04/8/2025	Vương quốc Ả Rập Xê Út/Hội đồng hợp tác các quốc gia Ả Rập vùng Vịnh dự thảo Quy định kỹ thuật về "Đồ uống tăng lực"	Vào ngày 08/02/2019, Ả-rập Xê-út đã thông báo cho WTO (TBT) về Quy định Kỹ thuật đối với "Nước uống tăng lực" (G/SPS/N/SAU/389). Dự thảo quy định kỹ thuật này liên quan đến các Yêu cầu cần đáp ứng đối với "Nước uống tăng lực" sẵn sàng cho con người sử dụng. Bản dự thảo cập nhật bao gồm các sửa đổi đối với Điều 1, 1.3, 2.1, 2.3, 5, 8 và 9.
50.	G/SPS/N/BRA/2420	ATTP	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Quyết định số 1338, ngày 03/7/2025.	Dự thảo Nghị quyết thiết lập các chức năng công nghệ, giới hạn tối đa và điều kiện sử dụng đối với các chất phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến được phép sử dụng trong thực phẩm.
51.	G/SPS/N/IND/331	ATTP	Ấn Độ	01/8/2025	Dự thảo Quy định sửa đổi về An toàn và Tiêu chuẩn thực phẩm (Tiêu chuẩn Sản phẩm Thực phẩm và Phụ gia Thực phẩm), 2025.	Dự thảo Thông báo về Quy định Sửa đổi Tiêu chuẩn và An toàn Thực phẩm (Tiêu chuẩn Sản phẩm Thực phẩm và Phụ gia Thực phẩm) năm 2025 liên quan đến việc sửa đổi thành phần axit béo của bơ tinh chế, tiêu chuẩn mới về bột phô mai, loại bỏ thuật ngữ "Cá" khỏi định nghĩa về động vật, bổ sung vitamin lên đến 15% lượng khuyến nghị hàng ngày

						trong đồ uống có chứa caffein, giới hạn Asen trong quy định 2.10,7(4) đối với nước khoáng (bao gồm cả nước khoáng thiên nhiên), giới hạn borat trong Quy định 2.10,8 đối với nước uống đóng chai (trừ nước khoáng), tiêu chuẩn nước uống (tinh khiết), việc bổ sung "este sucrose của axit béo INS 473" vào Danh mục thực phẩm 12.6.3 và liên quan đến Danh mục thực phẩm 6.2.1 và 6.2.2.
52.	G/SPS/N/EU/872	TTBVTV , BCT	Liên minh châu Âu	30/07/2022 5	Sửa đổi Quy định (EU) 2017/2470 liên quan đến các điều kiện sử dụng và các yêu cầu ghi nhãn bổ sung đối với thực phẩm mới từ dầu của loài <i>Calanus finmarchicus</i>	Quy định liên quan đến việc sửa đổi các điều kiện sử dụng este astaxanthin lên mức tối đa 0,25% cho tất cả các nhóm dân số được liệt kê trong thực phẩm bổ sung. Việc tăng este astaxanthin trong <i>dầu Calanus finmarchicus</i> dự kiến sẽ không vượt quá mức tiêu thụ hàng ngày được chấp nhận là 0,2 mg astaxanthin/kg trọng lượng cơ thể. Ngoài ra, cần phải sửa đổi các yêu cầu ghi nhãn của thực phẩm mới dầu <i>Calanus finmarchicus</i> phù hợp với các điều kiện sử dụng được đề xuất, vì tuyên bố được nêu trong Quy định (EU) 2022/966 rằng thực phẩm bổ sung có chứa dầu <i>Calanus finmarchicus</i> không được sử dụng cho trẻ em dưới 14 tuổi nếu thành phần chứa $\geq 0,1\%$ astaxanthin không còn hiệu lực nữa.
53.	G/SPS/N/UKR/249	TTBVTV , BCT	Ucraina	29/7/2025	Dự thảo Quy định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina "Về việc sửa đổi quy định số 1450 ngày 31/7/2023 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm Ukraina"	Dự thảo Quy định đề xuất sửa đổi "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với nước trái cây và một số sản phẩm tương tự" (được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/UKR/204/Add.1), cũng như sửa đổi các yêu cầu này bằng cách ban hành lại toàn văn với các cập nhật sau đây: Bổ sung một nhóm sản phẩm mới trong danh mục nước trái cây, cụ thể là: nước trái cây giảm hàm lượng đường, nước trái cây cô đặc giảm hàm lượng đường. Các sản phẩm này có mức đường tự nhiên thấp hơn nhưng vẫn giữ được các đặc tính vật lý, hóa học, cảm quan và dinh dưỡng đặc trưng của nước ép từ loại quả tương ứng; Bổ sung protein từ hạt hướng dương vào danh sách các phương pháp chế biến và các chất được phép sử dụng để

						làm trong nước trái cây và một số sản phẩm thực phẩm tương tự; Bổ sung các phương pháp phân tích nhằm đảm bảo sự phù hợp với các đặc điểm thành phần của một số loại nước trái cây; Bổ sung thuật ngữ “nước dừa” như một từ đồng nghĩa với “nước trái dừa” vào danh sách tên gọi đặc biệt dành cho nước trái cây và một số sản phẩm thực phẩm tương tự. Ngoài ra, quy định rằng các loại nước trái cây và sản phẩm thực phẩm tương tự đã đáp ứng các yêu cầu hiện hành trước khi quy định này có hiệu lực, nhưng không phù hợp với các quy định mới cập nhật, vẫn được phép sản xuất và/hoặc đưa ra thị trường trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, và có thể được lưu hành trên thị trường cho đến khi hết hạn sử dụng hoặc hết hạn bảo quản tối thiểu.
54.	G/SPS/N/THA/795	BVTW	Thái Lan	30/7/2025	Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế, số ... B.E.(....), được ban hành theo Luật Thực phẩm B.E. 2522 về “Trà ủ”.	Bộ Y tế Thái Lan rà soát, sửa đổi các thông báo liên quan đến trà ủ nhằm cập nhật danh mục nguyên liệu thực vật dùng để làm trà ủ, vì mục tiêu bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và duy trì thương mại công bằng. Cụ thể Điều 1. Khoản 3 của Thông báo số 426 B.E. 2564 (2021) của Bộ Y tế, ban hành theo Luật Thực phẩm B.E. 2522 (1979), về trà ủ ngày 29/3/2021 (gọi tắt là thông báo số 426), được bãi bỏ và thay thế bằng nội dung sau: “Khoản 3: “Trà ủ” là sản phẩm thu được từ các bộ phận của thực vật và nấm, được chế biến bằng phương pháp sấy khô và có thể được nghiền thô hoặc cắt nhỏ, dùng để tiêu thụ bằng cách đun sôi hoặc ủ với nước.” Điều 2. Giống cam thảo (<i>Glycyrrhiza glabra</i>) được liệt kê tại mục 92, trong danh mục thực vật và bộ phận thực vật được phép sử dụng làm nguyên liệu cho trà ủ tại phụ lục của thông báo số 426 được bãi bỏ. Điều 3. Các loại cây và bộ phận của cây được liệt kê trong phụ lục của thông báo sẽ được thêm vào danh sách các mục

						từ 202 đến 311 trong danh sách nguyên liệu thô được phép dùng để pha trà ủ, được đính kèm vào thông báo số 426. Điều 4. Các cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu bán trà thảo mộc có chứa cam thảo (mục 92) theo quy định tại Điều 2, đã được ủy quyền trước ngày có hiệu lực của thông báo, được tiếp tục bán sản phẩm của mình trong thời hạn không quá một năm kể từ ngày có hiệu lực. Điều 5. Các cơ sở sản xuất hoặc nhập khẩu bán trà ủ có chứa các loài thực vật được liệt kê tại Điều 3, từ mục 202 đến 311, đã được cấp phép trước ngày Thông báo có hiệu lực, được phép tiếp tục bán sản phẩm trong thời hạn không quá hai năm kể từ ngày thông báo có hiệu lực và phải tuân thủ các yêu cầu theo thông báo mới nhất. Điều 6. Thông báo có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo sau ngày đăng Công báo Chính phủ.
55.	G/SPS/N/THA/794	ATTP	Thái Lan	29/7/2025	Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế, Số ... B.E., Về: Các loại thực phẩm được quy định tiêu chí, điều kiện và phương thức sử dụng khi sản xuất, nhập khẩu để bán hoặc lưu thông.	Đề cập nhật phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, Bộ Y tế đề xuất sửa đổi các Thông báo như sau: Khoản (2) Điều 2 của Thông báo số 390 (B.E. 2561) của Bộ Y tế, ban hành theo Luật Thực phẩm B.E. 2522, về “Các loại thực phẩm có tiêu chí, điều kiện và phương thức sử dụng được quy định khi sản xuất, nhập khẩu để bán hoặc lưu thông”, ngày 31/8/2018 được bãi bỏ và thay thế bằng nội dung sau: Cồn methyl (methanol) chỉ được phép sử dụng như chất hỗ trợ chế biến trong sản xuất các loại thực phẩm sau đây: (a) Phụ gia thực phẩm, theo Thông báo của Bộ Y tế về Phụ gia thực phẩm; (b) Thực phẩm đã được đánh giá an toàn; (c) Thực phẩm dùng để xuất khẩu.
56.	G/SPS/N/KOR/827	ATTP, TTBVTV , CNTY	Hàn Quốc	29/7/2025	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Thực phẩm trong trong báo số 2025-308, ngày 21/7/2025	Dự thảo sửa đổi bao gồm các nội dung sau: 1. Ban hành tiêu chuẩn đối với thực phẩm chế biến sẵn và các quy định liên quan tại các cơ sở dịch vụ ăn uống (bao gồm cả cơ sở cung cấp suất ăn); 2. Sửa đổi tiêu chuẩn về bảo quản và phân phối thực phẩm;

						3. Ban hành và sửa đổi mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (114 loại thuốc, bao gồm cả Metamitron); 4. Sửa đổi mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của thuốc thú y trong thực phẩm (6 loại thuốc thú y, bao gồm cả Zilpaterol); 5. Ban hành và sửa đổi phương pháp thử nghiệm chung.
57.	G/SPS/N/KOR/826	ATTP	Hàn Quốc	28/7/2025	Thông báo sửa đổi một phần (Dự thảo) Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Thực phẩm bảo vệ sức khỏe trong thông báo số 2025-318, ngày 23/7/2025	a. Sửa đổi liên quan đến tám thành phần chức năng, bao gồm Isoflavon từ đậu nành: các lưu ý khi sử dụng, tiêu chuẩn sản xuất, quy cách và liều lượng sử dụng hàng ngày; b. Bổ sung nguyên liệu mới đối với các thành phần dinh dưỡng; c. Mở rộng các công bố chức năng được công nhận đối với các thành phần chức năng; d. Tăng cường các tiêu chuẩn quản lý và quy cách đối với thành phần chức năng.
58.	G/SPS/N/THA/793	ATTP, CLCB, TTBVT , BCT	Thái Lan	24/7/2025	Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế, Số ... B.E. ..., có tiêu đề “Thực phẩm trong bao bì kín”	Vì mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Y tế đề xuất sửa đổi về “Thực phẩm trong bao bì kín” nhằm đổi mới khuôn khổ pháp lý đối với thực phẩm trong bao bì kín, phù hợp với các kiến thức khoa học hiện đại, tiến bộ công nghệ và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Các nội dung chính của dự thảo Thông báo Bộ Y tế như sau: 1. Bãi bỏ Thông báo trước đây (Thông báo số 355 B.E. 2556 về “Thực phẩm trong bao bì kín”) (Điều 1); 2. Sửa đổi định nghĩa và tiêu chí đối với thực phẩm trong bao bì kín bằng cách nhấn mạnh giá trị hoạt độ nước và phương pháp tiệt trùng (Điều 3), đồng thời phân loại thực phẩm tính axit thấp và thực phẩm tính axit với ngưỡng pH cụ thể và các tiêu chí chất lượng bổ sung (Điều 5–6); 3. Cập nhật yêu cầu ghi nhãn: đối với thực phẩm có thể tách phần rắn khỏi phần lỏng, phải khai báo khối lượng phần rắn đã để ráo nước trên nhãn (Điều 11); Thông báo có hiệu lực kể từ ngày được công bố trên Công

						báo Chính phủ.
59.	G/SPS/N/KOR/825	ATTP	Hàn Quốc	24/7/2025	Dự thảo sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Phụ gia thực phẩm trong thông báo số số 2025-316, ngày 22/7/2025	Hàn Quốc đề xuất sửa đổi “Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Phụ gia thực phẩm”. Những điểm chính của dự thảo sửa đổi như sau: a. Hệ thống cấu trúc của “Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Phụ gia thực phẩm” sẽ được tổ chức lại. Đặc biệt, các chất tăng cường dinh dưỡng và chất hỗ trợ chế biến sẽ được liệt kê riêng biệt với các phụ gia thực phẩm thông thường; b. Quy cách đối với enzym (39 mục) sẽ được sửa đổi; c. Điều kiện sử dụng đối với chiết xuất hoa houblon đã biến đổi và vitamin K1 sẽ được sửa đổi; d. Phương pháp thử nghiệm chung đối với phụ gia thực phẩm sẽ được sửa đổi.
60.	G/SPS/N/KEN/343	TTBVTV	Kenya	24/7/2025	DKS 3037:2025 - Quy tắc thực hành phòng ngừa và giảm thiểu nhiễm độc tố nấm mốc trong ngũ cốc.	Dự thảo Quy tắc thực hành này đưa ra các yêu cầu và khuyến nghị chung nhằm phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm độc tố nấm mốc trong ngũ cốc. Tài liệu này áp dụng cho nông dân, cơ quan quản lý ngành, nhà nghiên cứu và các tác nhân khác trong chuỗi giá trị ngũ cốc.
61.	G/SPS/N/GBR/94/Corr.1	ATTP, TTBVTV	Vương Quốc Anh	24/7/2025	Dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) cho emamectin sửa đổi trong Đăng ký pháp lý MRL của Vương quốc Anh	Vương quốc Anh thông báo sửa lỗi trong thông báo G/SPS/N/GBR/94, “Dự thảo MRLs cho emamectin sửa đổi trong Đăng ký pháp lý MRL của Vương quốc Anh”. Có hai liên kết đến tài liệu hỗ trợ được cung cấp ở mục 6 bị lỗi nên không hoạt động đúng. Để làm rõ, liên kết đúng đến tài liệu hỗ trợ là: “Đánh giá lại các MRLs cho emamectin trên rau diếp và sữa”. Ngày cuối cùng để gửi ý kiến, thông qua và công bố thông báo này vẫn không thay đổi.
62.	G/SPS/N/KGZ/38	CNTY	Cộng Hòa Kyrgyz	23/7/2025	Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu sửa đổi Quy định về các yêu cầu kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm kiểm dịch động vật	Dự thảo quyết định sửa đổi các yêu cầu kiểm dịch động vật đối với hàng hóa kiểm soát vào lãnh thổ EAEU và sửa đổi một số chương cụ thể của các yêu cầu liên quan đến động vật sống và bệnh truyền nhiễm ở động vật. Dự thảo cũng bao gồm việc cập nhật các văn bản liên quan của Ủy ban như sau: • Sửa lỗi pháp lý và kỹ thuật; • Bổ sung các thuật ngữ và định nghĩa mới được sử dụng

						trong văn bản; • Thông nhất tên khoa học của các bệnh động vật; • Chuẩn hóa cách diễn đạt ở một số điều khoản lặp lại; • Bãi bỏ mục "Điều khoản Cuối cùng và Chuyển tiếp" của Quy định. Ngoài ra, các dự thảo quyết định cũng sửa đổi mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật tương ứng áp dụng cho việc nhập khẩu hàng hoá kiểm soát từ nước thứ ba vào lãnh thổ EAEU.
63.	G/SPS/N/JPN/1359	CNTY	Nhật Bản	22/7/2025	Dự thảo sửa đổi Nghị định Bộ trưởng về Thi hành Luật Kiểm soát Bệnh truyền nhiễm ở Động vật trong nước.	Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) đề xuất sửa đổi Điều 45 của Nghị định Bộ trưởng về Thi hành Luật Kiểm soát Bệnh truyền nhiễm ở động vật trong nước nhằm bổ sung đã điều vào danh sách các loài động vật phải chịu kiểm dịch động vật liên quan đến bệnh cúm gia cầm phải khai báo.

2. Danh sách quy định có hiệu lực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1.	G/SPS/N/CAN/1491 /Add.1	ATTP	Canada	19/9/2025	Sửa đổi Danh sách phụ gia thực phẩm được phép để xem xét lại một số cách sử dụng phụ gia thực phẩm có chứa nhôm	Cục Thực phẩm và Dinh dưỡng Bộ Y tế Canada thông báo chính thức về việc sửa đổi quy định đối với các phụ gia thực phẩm có chứa nhôm, nội dung chính như sau: 1. Mục đích chính: Việc sửa đổi nhằm hai mục tiêu: - Giữ mức tiếp xúc với nhôm trong chế độ ăn của người Canada ở mức an toàn. - Cập nhật các cách sử dụng chất phụ gia nhôm dựa trên nhu cầu hiện tại của ngành, bao gồm loại bỏ những cách sử dụng không còn cần thiết. - Một số thay đổi đề xuất đã được điều chỉnh dựa trên phản hồi từ ngành công nghiệp. 2. Thời gian có hiệu lực: - Phần lớn các thay đổi sẽ chính thức có hiệu lực từ 20/10/2025. - Một ngoại lệ quan trọng: việc loại bỏ kali nhôm sulfat (potassium aluminum sulphate) làm chất tạo độ chắc cho dưa muối và relish sẽ được thực hiện vào 01/01/2028, phù hợp với ngày tuân thủ tiếp theo theo Chính sách phối hợp nhãn thực phẩm Tác động: Các sửa đổi này sẽ được cập nhật vào Danh mục Phụ gia Thực phẩm được phép của Canada và có hiệu lực kể từ ngày được công bố.
2.	G/SPS/N/EGY/157 /Add.1	BCT, TTBVT	Ai Cập	18/9/2025	Dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 “Lúa mì – Phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì cứng (<i>Triticum Durum</i> Desf.)”	Bản bổ sung này liên quan đến thông báo ban hành Nghị định Bộ trưởng số 247/2025 (02 trang, bằng tiếng Ả Rập), trong đó quy định cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp sáu tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 “Lúa mì – Phần 2: Nguyên tắc chung đối với Lúa mì cứng (<i>Triticum Durum</i> Desf.)”.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Cần lưu ý rằng dự thảo Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1601-2 đã được thông báo trong G/SPS/N/EGY/157 ngày 17/01/2025. Tiêu chuẩn này phù hợp với các văn bản quốc tế gồm: ISO 11051:1994 (được xác nhận năm 2020) và Tiêu chuẩn Codex CXS 199 “Lúa mì và lúa mì cứng” được thông qua năm 1995 và sửa đổi năm 2019. Các nhà sản xuất và nhập khẩu sẽ được thông tin về mọi sửa đổi trong tiêu chuẩn Ai Cập thông qua việc công bố các quyết định hành chính trên Công báo chính thức. Ngày thông qua: 11/8/2025 Ngày có hiệu lực: ngày tiếp theo sau khi công bố trên Công báo chính thức.
3.	G/SPS/N/TPKM/649/A dd.1	BVTV	Đài Loan (Trung Quốc)	17/9/2025	Đài Loan thực hiện sửa đổi “Yêu cầu kiểm dịch đối với việc nhập khẩu thực vật hoặc sản phẩm thực vật”	Đài Loan đã thông báo dự thảo sửa đổi “Yêu cầu Kiểm dịch đối với nhập khẩu cây trồng hoặc sản phẩm từ cây trồng. Áp dụng cho tất cả thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu: – Xác định rõ danh mục đối tượng: cây giống, hạt giống, củ, quả, hoa cắt, gỗ, các sản phẩm thực vật chế biến có nguy cơ mang sinh vật gây hại. – Bổ sung/điều chỉnh danh sách các loài hoặc sản phẩm bị cấm nhập hoặc chỉ được nhập có điều kiện (ví dụ: cần giấy chứng nhận kiểm dịch). Yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate): – Mỗi lô hàng thực vật hoặc sản phẩm thực vật phải có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu. – Có thể kèm theo “additional declaration” về tình trạng không nhiễm một số dịch hại cụ thể (liệt kê trong quy

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						định). Xử lý kiểm dịch trước hoặc sau nhập khẩu. – Một số nhóm sản phẩm phải được xử lý khử trùng, xử lý nhiệt, xử lý hơi methyl bromide... trước khi xuất hoặc ngay khi nhập khẩu. – Cơ quan APHIA có quyền kiểm tra, lấy mẫu, giữ lại, hoặc tiêu hủy lô hàng nếu phát hiện vi phạm hoặc dịch hại. Bổ sung các dịch hại và quốc gia nguồn cần lưu ý: – Quy định mới cập nhật danh sách dịch hại kiểm dịch và các khu vực bị hạn chế. – Có thể thay đổi yêu cầu theo từng nước xuất khẩu (ví dụ Việt Nam, Thái Lan, Philippines...) nếu tình hình dịch hại thay đổi. Cơ chế liên hệ và cập nhật: Các doanh nghiệp và cơ quan xuất khẩu có thể liên hệ APHIA (Điểm hỏi đáp quốc gia SPS Đài Loan) để biết rõ quy định từng mặt hàng.
4.	G/SPS/N/TPKM/646/A dd.1	ATTP, BCT, CBCL, CNTY, TTNBTB	Đài Loan (Trung Quốc)	15/9/2025	Quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan	Quy định kiểm tra thực phẩm và sản phẩm liên quan nhập khẩu của Đài Loan, nội dung sửa đổi như sau: 1. Sửa đổi thủ tục nộp đơn xin kiểm tra nhập khẩu sản phẩm và bổ sung các điều khoản; 2. Sửa đổi phạm vi phải kiểm tra sản phẩm theo từng lô hàng; 3. Sửa đổi các điều kiện áp dụng ưu đãi cho doanh nghiệp xuất sắc; 4. Cập nhật các thủ tục kiểm tra và chi phí phát sinh kiểm tra sẽ do người nộp đơn xin kiểm tra bắt buộc chịu; 5. Điều chỉnh các điều kiện cấp phép giải tỏa lô hàng có bảo lãnh cũng như các điều kiện và phương thức thanh toán tiền đặt cọc và đưa ra các điều khoản về việc tái sử

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dụng theo chu kỳ tiền đặt cọc bảo lãnh; 6. Sửa đổi các thủ tục xử lý đối với lô hàng tuân thủ hoặc không tuân thủ các quy định; 7. Hỗ trợ các hoạt động điện tử bằng cách thiết lập cơ sở pháp lý cho việc sử dụng Hệ thống Thông tin thực phẩm nhập khẩu; Dự thảo sửa đổi đã được thông báo trước vào ngày 07/5/2025 (G/SPS/N/TPKM/646). Quy định đã được ban hành ngày 21/8/2025.
5.	G/SPS/N/USA/3245 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Phụ gia thực phẩm được phép bổ sung trực tiếp vào thực phẩm dùng cho con người; Vitamin D3 trong sữa chua và các sản phẩm sữa lên men khác với <i>Lactobacillus delbrueckii</i> , phân loài <i>bulgaricus</i> và <i>Streptococcus thermophilus</i>	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm, cho phép sử dụng vitamin D3 làm chất bổ sung dinh dưỡng trong sữa chua và các sản phẩm sữa lên men với <i>Lactobacillus delbrueckii subsp. bulgaricus</i> và <i>Streptococcus thermophilus</i> ở mức cao hơn so với trước đây. Quyết định này được đưa ra theo kiến nghị của Công ty General Mills và đồng thời cập nhật tiêu chuẩn tham chiếu đối với vitamin D3. Quy định này có hiệu lực từ ngày 4/9/2025. Mức tối đa Vitamin D ₃ được phép là 178 IU / 100g sản phẩm đối với sữa chua chuẩn hóa, sữa chua ít chất béo và các sản phẩm từ sữa lên men với chủng vi khuẩn như trên. Sửa đổi cũng bao gồm cập nhật tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật của Vitamin D ₃ theo <i>Food Chemicals Codex, phiên bản thứ 14</i> (FCC 14) có hiệu lực từ ngày 1/6/2024; thay thế phiên bản trước (FCC 13) dùng trong quy định hiện hành.
6.	G/SPS/N/USA/3358 /Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Phụ gia thực phẩm được phép sử dụng trong thực phẩm dành cho người tiêu dùng; Hydrogen	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) sửa đổi quy định về phụ gia thực phẩm, cho phép sử dụng hydrogen peroxide trong thực phẩm như một chất kháng

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					Peroxide	khuẩn, chất oxy hóa – khử và chất tẩy trắng, đồng thời loại bỏ sulfur dioxide khỏi danh mục. Quyết định này được đưa ra theo kiến nghị của Công ty Cargill. - FDA đã xem xét chứng cứ khoa học và nhận định rằng việc sử dụng hydrogen peroxide theo các điều kiện này không làm tăng tổng mức phơi nhiễm (dietary exposure) vượt giới hạn an toàn. - Một trong các điều kiện quan trọng là lượng hydrogen peroxide dư sau xử lý (residual peroxide) phải được loại bỏ bằng phương pháp vật lý hoặc hoá học trong quá trình chế biến. (ví dụ: qua rửa, sấy hoặc phương pháp lọc thích hợp) Lệnh này có hiệu lực từ ngày 3/9/2025, và việc dẫn chiếu các tài liệu được liệt kê trong lệnh đã được Giám đốc Cục Đăng ký Liên bang phê duyệt kể từ ngày này.
7.	G/SPS/N/USA/3370 /Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	05/9/2025	Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Canxi photphat	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày 26/6/2025 là ngày có hiệu lực đối với lệnh cuối cùng đã được công bố trên Công báo Liên bang ngày 12/5/2025. Lệnh này sửa đổi quy định về chất tạo màu để cho phép sử dụng Galdieria Extract Blue làm chất tạo màu được miễn giấy chứng nhận trong nhiều loại thực phẩm, gồm: đồ uống không có cồn, nước trái cây & rau, sữa & sản phẩm sữa lên men, thịt gà chế biến sẵn, kẹo, kem, topping đánh bông, và nhiều sản phẩm đông lạnh hay tráng phủ khác. Ngày có hiệu lực 26/6/2025 của lệnh cuối cùng công bố trên Công báo Liên bang ngày 12/5/2025 (90 FR 20097) đã được xác nhận.
8.	G/SPS/N/UKR/227 /Add.1	ATTP, TY, BVTV	U-crai-na	03/9/2025	Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của	Những sửa đổi đáng chú ý: 1. Trong Quy chế các điểm kiểm soát (Resolution 751):

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
					quy định	- Thêm “khám y tế (sanitary/medical examination)” sau từ “cũng” trong điểm liên quan; - Mở rộng trách nhiệm tham gia (thêm các cơ quan như Bộ Y tế (MOZ), Cơ quan kiểm soát thực phẩm & người tiêu dùng) trong một số quy định, và loại bỏ một cơ quan trước đây (Minprompolityky). Cho phép trong trường hợp có nguy cơ xâm nhập và lây lan bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng (kể cả bệnh kiểm dịch hay các bệnh nguy hiểm cho con người), có thể tạm thời hạn chế hoặc đóng việc qua biên giới, thực hiện bắt buộc cách ly hoặc tự cách ly cho những người nghi nhiễm, hoặc áp đặt kiểm dịch với vật nuôi, hàng hóa thực vật & động vật, giống cây trồng v.v. 2. Trong Quy tắc Bảo vệ vệ sinh lãnh thổ (Resolution 893): - Cập nhật định nghĩa mới cho các thuật ngữ như “điểm kiểm soát xác định”, “dịch y tế-sanitary examination”, “giám sát dịch tễ”, “ô nhiễm (contamination)” v.v. để rõ hơn trách nhiệm & nghĩa vụ các bên. - Thêm quy định về thời gian và thủ tục thông báo kịp thời cho các cơ quan có liên quan cũng như cho WHO (Thông qua Điểm Liên lạc của WHO), khi có sự kiện y tế có khả năng là khẩn cấp sức khỏe cộng đồng quốc tế. Ví dụ báo cáo trong vòng 6 giờ, 12 giờ, hoặc 24 giờ tùy mức độ. - củng cố yêu cầu vệ sinh & kiểm soát tại các cửa khẩu biên giới: kiểm tra y tế hành khách, thủ tục giấy tờ liên quan, kiểm tra vệ sinh, kiểm dịch thiết bị/ phương tiện vận chuyển, hàng hóa; đảm bảo các điểm kiểm soát được trang bị và thực hiện các biện pháp theo đúng Quy định y tế quốc tế.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nghị quyết có hiệu lực từ khi công bố, nhưng áp dụng thực tế các sửa đổi sau chín tháng kể từ ngày công bố, tức là bắt đầu từ 28/5/2026.
9.	G/SPS/N/AUS/561 /Add.3	CNTY, ATTP	Úc	28/8/2025	Rà soát rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người: báo cáo dự thảo	Úc đã công bố Báo cáo cuối cùng về Rà soát rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người (“dairy review”) ngày 4/3/2025 và thông báo tới các Thành viên WTO vào ngày 14/3/2025 (G/SPS/N/AUS/561/Add.2). Các điều kiện nhập khẩu mới sẽ bắt đầu áp dụng từ ngày 31/8/2025, với giai đoạn chuyển tiếp kéo dài 12 tháng, trong đó giấy phép nhập khẩu cấp từ 31/8/2025 đến 1/9/2026 sẽ đồng thời bao gồm điều kiện hiện hành và điều kiện mới, cho phép thương mại tiếp tục trong khi các chứng thư kiểm dịch đang được đàm phán. Các mẫu chứng thư kiểm dịch đính kèm thông báo có thể được sử dụng để tạo thuận lợi cho thương mại trong giai đoạn này, và Úc đặt mục tiêu hoàn tất đàm phán chứng thư kiểm dịch song phương trước ngày 1/9/2026. Từ thời điểm này, Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp sẽ chỉ cấp giấy phép nhập khẩu theo điều kiện mới và chứng thư tương ứng. Các biện pháp quản lý rủi ro mới bao gồm yêu cầu rằng sản phẩm sữa từ bò, cừu và dê phải được sản xuất và chế biến tại các quốc gia được công nhận là không có bệnh lở mồm long móng (FMD-Free). Quy định cũng cho phép các phương pháp xử lý như thanh trùng (pasteurisation), thanh trùng theo mẻ (batch pasteurisation) hoặc xử lý ở nhiệt độ thấp trong thời gian dài cho sản phẩm từ bò, cừu và dê, đồng thời bổ sung lựa chọn thermisation và high

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						temperature curd cook cho phô mai từ các nước FMD-Free. Các giấy phép cấp trong giai đoạn chuyển tiếp sẽ hết hiệu lực vào 31/8/2028; từ 1/9/2028 chỉ các sản phẩm đáp ứng đầy đủ điều kiện mới và có chứng thư kiểm dịch phù hợp mới được chấp nhận.
10.	G/SPS/N/HKG/50 /Add.1	ATTP, CLCB, CNTY, TTBVTV	Hong Kong(Tru ng Quốc)	25/8/2025	Các sửa đổi đối với Quy định về Thực phẩm bị pha tạp (Ô nhiễm kim loại) (Chương 132V)	Sửa đổi Quy định về thực phẩm bị pha tạp (Ô nhiễm Kim loại), (Chương 132V, Luật Hồng Kông) Mục đích sửa đổi: Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về mức tối đa (MLs) của các chất gây ô nhiễm kim loại trong thực phẩm. Bổ sung 27 mức tối đa mới cho kim loại cụ thể trong các loại thực phẩm cụ thể. Cập nhật 9 mức tối đa hiện có theo tiêu chuẩn mới nhất của Codex và các thị trường nhập khẩu lớn. Cụ thể: Cập nhật hoặc thiết lập mới mức tối đa cho phép của các kim loại nặng (như cadimi, chì, methyl-thủy ngân) trong các loại thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế mới nhất. Bổ sung, thay đổi nhiều mức tối đa cho các nhóm thực phẩm như rau củ, nấm ăn, gạo, ca cao, chocolate, muối, đường, thịt nội tạng động vật, cá... Cập nhật lại các mục trong phụ lục quy định hàm lượng kim loại tối đa.
11.	G/SPS/N/USA/3273 /Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	25/8/2025	Danh mục các Chất tạo màu được miễn chứng nhận: Chất màu xanh chiết xuất từ tảo Galdieria	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày hiệu lực 26/6/2025 cho phép sử dụng galdieria extract blue (màu xanh chiết xuất từ tảo Galdieria) làm phụ gia màu được miễn chứng nhận trong nhiều loại sản phẩm thực phẩm, ở mức phù hợp với thực

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hành sản xuất tốt (GMP), bao gồm: Đồ uống không cồn, nước ép trái cây/rau, sinh tố, sữa, sữa chua uống, sản phẩm thay thế bữa ăn, ngũ cốc ăn sáng, kẹo cứng/mềm, chewing gum, kem, sữa chua đông lạnh, pudding, thạch, trái cây đông lạnh, đá que, kem phủ, kem tươi và các sản phẩm thay thế từ thực vật. Thông tin chi tiết này rất quan trọng đối với các nhà sản xuất thực phẩm ở các quốc gia khác muốn xuất khẩu các sản phẩm tương tự vào thị trường Hoa Kỳ, chi tiết quy định tại: https://www.federalregister.gov/d/2025-16046 https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/USA/25_05572_00_e.pdf
12.	G/SPS/N/USA/3448 /Add.2	ATTP	Hoa Kỳ	25/8/2025	Danh mục các Chất tạo màu được miễn chứng nhận: Chiết xuất hoa đậu biếc	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày có hiệu lực là 26/6/2025 cho phép sử dụng an toàn chiết xuất từ hoa đậu biếc làm chất tạo màu trong thực phẩm, việc sử dụng phải tuân thủ theo thực hành sản xuất tốt (GMP). Quy định mới cho phép sử dụng phụ gia màu chiết xuất từ hoa đậu biếc trong một loạt các sản phẩm thực phẩm: ngũ cốc ăn liền, bánh quy, hỗn hợp đồ ăn vặt, bánh pretzel cứng, khoai tây một lớp (tái cấu trúc hoặc nướng), và khoai tây chiên thông thường, khoai tây chiên tortilla, và chips ngũ cốc, chi tiết quy định tại: https://www.federalregister.gov/d/2025-16045 https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/USA/25_05571_00_e.pdf
13.	G/SPS/N/JPN/1353 /Add.1	TY	Nhật	21/8/2025	Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định	Nhật Bản thông báo ban hành và đưa vào hiệu lực quy định sửa đổi Tiêu chuẩn và Quy cách đối với Thức ăn chăn nuôi và Chất phụ gia thức ăn chăn nuôi.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Cụ thể: Sửa đổi tiêu chuẩn phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôicó sử dụngaxit benzoic (benzoic acid) làm chất phụ gia.
14.	G/SPS/N/USA/3257 /Add.1/Corr.1	ATTP, CLCB	Hoa Kỳ	07/8/2025	Danh mục các chất tạo màu được miễn Chứng nhận; Màu xanh Gardenia (Genipin); Đinh chính	Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) sửa đổi "Danh mục các chất tạo màu được Miễn Chứng nhận; Màu xanh Gardenia (Genipin)". Dự thảo trước đó, FDA đã sửa đổi các quy định về chất tạo màu để đảm bảo việc sử dụng an toàn màu gardenia (genipin) trong nhiều loại thực phẩm, ở mức độ phù hợp với Thực hành Sản xuất tốt (GMP). Tuy nhiên quyết định này đã ghi sai thông số kỹ thuật về methanol, thông báo này nhằm sửa lỗi đó.
15.	G/SPS/N/THA/232 /Rev.2/Add.1	ATTP, TY, BCT	Thái Lan	06/8/202 5	Thông báo số 459 của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) về "Yêu cầu nhập khẩu đối với thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò"	Thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH) Thái Lan đã được báo cáo trong G/SPS/N/THA/232/Rev.2 ngày 18/7/2024, nay đã được ban hành chính thức thành thông báo số 459 của MOPH về "Yêu cầu nhập khẩu thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh não xốp ở bò", và được đăng trên Công báo ngày 07/7/2025. Ngày có hiệu lực: ngày 07/7/2025. Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc ngày có hiệu lực của quy định
16.	G/SPS/N/THA/781 /Add.1	ATTP, BVTV, BCT	Thái Lan	05/8/202 5	Thông báo Bộ Y tế (MOPH) số 460 với tiêu đề "Thực phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật".	Thông báo của Bộ Y tế (MOPH) được báo cáo trong G/SPS/N/THA/781 ngày 21/01/2025 đã được ban hành chính thức số 460 về Thực phẩm chứa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trên Công báo ngày 7/7/2025. Các Thông báo của Bộ Y tế số 387 (G/SPS/N/THA/183/Add.1), số 393 (G/SPS/N/THA/247/Add.1), số 419 (G/SPS/N/THA/313/Add.1) và số 449 (G/SPS/N/THA/584/Add.1) đã bị bãi bỏ và thay thế bởi Thông báo số 460 này. Ngày có hiệu lực: 22 tháng 7

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						năm 2025, cụ thể: - Phụ lục 2: Quy định mức dư lượng tối đa (MRLs) của 88 hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật. - Phụ lục 3: Bảng 1: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,1-0,005 ppm đối với 17 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc thực vật. Bảng 2: Quy định giá trị mặc định từ mức 0,02-0,05 ppm đối với 04 loại hóa chất tồn dư trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật. - Phụ lục 4: Quy định mức dư lượng tối đa 6 hoạt chất độc hại từ môi trường, không do sử dụng trực tiếp (EMRLs) tồn dư trong trái cây, rau, ngũ cốc, họ đậu, hạt cây, thảo mộc, trà, trứng, gia cầm và động vật. - Các MRL không được quy định trong Phụ lục 2, Phụ lục 4 sẽ tuân theo tiêu chuẩn Codex, nếu không có quy định từ Codex sẽ áp dụng tiêu chuẩn của ASEAN. https://ratchakitcha.soc.go.th/documents/75163.pdf https://members.wto.org/crnattachments/2025/SPS/THA/25_05162_00_x.pdf Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc ngày có hiệu lực của quy định
17.	G/SPS/N/NZL/772 /Add.1	TTBVT	Niu-di-lân	05/8/2022 5	Tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu cây giống: 155.02.06 – Nhập khẩu cây giống đủ điều kiện (Nursery Stock).	Thông báo đề cập đến việc thay đổi định dạng của tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu Nhập khẩu cây giống 155.02.06 và đổi tên thành Cây trồng làm giống 155.02.06 (Plants for Planting 155.02.06) để phản ánh cách dùng thuật ngữ trong các tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu mới hơn của Niu-di-lân. Bộ Các Ngành Công nghiệp cơ bản rà soát và sẽ tiếp tục duy trì mở khoảng 345 chi (genera) cho phép nhập khẩu,

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dự kiến sẽ tham vấn vào cuối năm nay về các biện pháp nhập khẩu bổ sung đối với khoảng 45 chỉ trong số đó. Xem Chỉ số Kiểm dịch Thực vật (Plants Biosecurity Index) để biết các tuyến nhập khẩu đủ điều kiện xuất khẩu sang Niu-di-lân dưới dạng cây trồng làm trồng (cây giống). Tiêu chuẩn kiểm dịch nhập khẩu sửa đổi này có hiệu lực từ ngày 04/8/ 2025.
18.	G/SPS/N/BRA/2406 /Add.1	ATTP, TTBVT	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1328, ngày 23/4/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1328, ngày 23/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2406 - đã được ban hành bởi Hướng dẫn Quy phạm số 387, ngày 28/7/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất T84 - thymus vulgaris vào Danh mục các Hoạt chất cho Thuốc bảo vệ thực vật, Sản phẩm vệ sinh gia dụng và Chất bảo quản gỗ.
19.	G/SPS/N/BRA/2405 /Add.1	ATTP, TTBVT	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1327, ngày 23/4/2025	Dự thảo Nghị quyết số 1327, ngày 23/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2405 - đã được ban hành bởi Hướng dẫn Quy phạm số 386, ngày 28/7/2025. Quy định này đề xuất đưa hoạt chất P77 - paenibacillus ottowii vào Danh mục các Hoạt chất cho Thuốc bảo vệ thực vật, Sản phẩm vệ sinh và Chất bảo quản gỗ.
20.	G/SPS/N/BRA/2403 /Add.1	ATTP, TTBVT	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Quyết định 1322, ngày 10/4/2025	Dự thảo Quyết định 1322, ngày 10/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2403 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 385, ngày 28/7/2025. Quy định cập nhật các chuyên khảo về các thành phần hoạt chất: a04 - axit giberellic, a66 - axit indolacetic, a71 - axit aminocyclopropane carboxylic, b26 - bifenthrin, c32 - cletodim, c63 - lambda-cyhalothrin, d36 - difenoconazole, d44 - diflufenicam, f40 - formetanate (chlorhydrate), f40 - formetanate, f46 - flumioxazine, f47 - fluazinam, f82 - fluoxastrobin, g05 - amonium glufosinate, h07 - methylic haloxifopropyl, i22 - natri

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						methylic iodosulfurom, l05 - lufenurom, m14 - metidationa, m19 - metribuzim, p50 - picoxistrobine, r03 - reynoutria sachalinensis, s13 - s-metolacoloro, s17 - sophora flavescens và s20 - saccharomyces cerevisiae trong Danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm làm sạch gia dụng và chất bảo quản gỗ.
21.	G/SPS/N/BRA/2398 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Braxin	01/8/2025	Dự thảo Quyết định 1319, ngày 9/4/2025	Dự thảo Nghị quyết 1319, ngày 9/4/2025 đã được thông báo qua G/SPS/N/BRA/2398 đã được thông qua bởi Hướng dẫn quy phạm 384, ngày 28/7/2025. Quy định đề xuất đưa thành phần hoạt tính b72 - baculovirus plutella xylostella granulovirus vào Danh mục thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, sản phẩm vệ sinh gia dụng và chất bảo quản gỗ.
22.	G/SPS/N/EU/802 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Liên minh châu Âu	30/07/2025	Mức dư lượng tối đa đối với chlorpropham, fuberidazole, ipconazole, methoxyfenozide, S-metolachlor và triflusulfuron trong một số sản phẩm	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/802 (ngày 16/ 12/2024) hiện đã được thông qua bởi Quy định (EU) 2025/1163 của Ủy ban ngày 13/6/2025 sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Châu Âu liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với chlorpropham, fuberidazole, ipconazole, methoxyfenozide, S-metolachlor và triflusulfuron trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định. Quy định này có hiệu lực từ ngày 6/01/2026, cụ thể như sau: - Đối với hoạt chất fuberidazole và ipconazole không có sự thay đổi và đã được thiết lập ở mức rất thấp từ 0,01-0,05 mg/kg trên các mặt hàng; - Đối tượng điều chỉnh: Nhóm quả có múi, nhóm hạt, nhóm quả lớn, vỏ không ăn được (quả bơ, chuối, xoài,

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						đu đủ, dưa, ổi, sầu riêng và các loại quả khác), nhóm rau tươi hoặc đông lạnh,.v.v..;
23.	G/SPS/N/EU/810 /Add.1	TTBVTV, CNTY	Liên minh châu Âu	30/07/20 25	Cập nhật danh sách các loài ngoại lai xâm lấn đáng lo ngại của Liên minh EU	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/810 (ngày 28/02/2025) hiện đã được Ủy ban thông qua Quy định (EU) 2025/1422 ngày 17/7/2025 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2016/1141 để cập nhật danh sách các loài ngoại lai xâm lấn đáng quan tâm của Liên minh. Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.
24.	G/SPS/N/EU/803 /Add.1	CNTY	Liên minh châu Âu	30/07/20 25	Các sắp xếp thực tiễn thống nhất để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng cho con người tiêu dùng	Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/803 (ngày 18/12/2024) hiện đã được Ủy ban thông qua theo Quy định (EU) 2025/1447 ngày 18/7/2025, sửa đổi Quy định Thực hiện (EU) 2019/627, quy định các cơ chế thực tế thống nhất để thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm cho người theo Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng (Văn bản liên quan đến EEA) (19 điều đã được sửa đổi, bổ sung) Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ hai mươi sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh Châu Âu.
25.	G/SPS/N/UKR/243 /Add.1	CNTY	Ucraina	29/7/202 5	Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraina "Về việc sửa đổi Khoản 3 của Nghị quyết số 537 ngày 7/5/2022 của Nội các Bộ trưởng Ukraina"	Bổ sung vào Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ukraina số 537 ngày 7/5/2022 "Một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện các biện pháp kiểm soát nhà nước đối với việc tuân thủ pháp luật về thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, sản phẩm phụ có nguồn gốc động vật, sức khỏe và phúc lợi động vật, kiểm soát thú y và vệ sinh nhà nước, cũng như việc nhập khẩu hàng hóa vào lãnh thổ hải quan Ukraina trong thời kỳ thiết quân luật" (Công báo chính thức của Ukraina, năm 2022, số 40, điều 2172) sự sửa đổi kèm theo.

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
26.	G/SPS/N/UKR/239 /Add.1	ATTP	Ucraina	29/7/2022 5	Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ukraina "Về việc sửa đổi Lệnh số 1084 ngày 26/6/2022 của Bộ Y tế Ukraina"	Căn cứ khoản 2 điều 6 Luật Ukraina “Về các nguyên tắc cơ bản và yêu cầu về an toàn và chất lượng thực phẩm”, đoạn thứ sáu điểm 14 khoản 4, khoản 8 Quy định về Bộ Y tế Ukraina, được phê duyệt theo Nghị quyết số 267 của Nội các Bộ trưởng Ukraina ngày 25/3/2015 (sửa đổi theo Nghị quyết số 90 của Nội các Bộ trưởng Ukraina ngày 24/1/2020), các điểm 1 và 23 của Chiến lược toàn diện thực thi Chương IV (Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động vật) Mục IV “Thương mại và các vấn đề liên quan đến thương mại” của Hiệp định Liên kết giữa Ukraina, cụ thể: 1. Bổ sung điểm 2 của Lệnh Bộ Y tế Ukraina ngày 23/6/2022 số 1084 “Về việc phê duyệt các Yêu cầu về an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng thực phẩm dành cho trẻ em”, được đăng ký tại Bộ Tư pháp Ukraina ngày 08/7/2022 số 755/38091, bằng một đoạn văn mới với nội dung như sau: “Quy định rằng thực phẩm dành cho trẻ em đáp ứng các yêu cầu có hiệu lực trước khi Lệnh này có hiệu lực nhưng không đáp ứng yêu cầu tại điểm 6 phần V phụ lục 1 và điểm 6 phần IV phụ lục 3 của các yêu cầu được phê duyệt theo điểm 1 của Lệnh này, có thể được sản xuất và/hoặc đưa vào lưu thông trong vòng hai năm kể từ ngày thiết quân luật kết thúc hoặc bị bãi bỏ. Thực phẩm dành cho trẻ em đó có thể lưu hành trên thị trường cho đến khi hết hạn sử dụng hoặc hết hạn bảo quản tối thiểu, hoặc ngày “dùng trước”. 2. Phê duyệt các sửa đổi đối với phụ lục các Yêu cầu về an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng thực phẩm dành cho trẻ em, được phê duyệt theo Lệnh Bộ Y tế Ukraina

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						ngày 23/6/2022 số 1084, đã đăng ký tại Bộ Tư pháp Ukraina ngày 08/7/2022 số 755/38091, như đính kèm. 3. Quy định rằng thực phẩm dành cho trẻ em đáp ứng các yêu cầu trước khi Lệnh này có hiệu lực nhưng không đáp ứng các sửa đổi đối với phụ lục các yêu cầu về an toàn và một số chỉ tiêu chất lượng thực phẩm dành cho trẻ em, được phê duyệt theo Lệnh Bộ Y tế Ukraina ngày 23/6/2022 số 1084, đăng ký tại Bộ Tư pháp Ukraina ngày 08/7/2022 số 755/38091, được phê duyệt theo điểm 2 của Lệnh này, có thể được nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan Ukraina, sản xuất và/hoặc đưa vào lưu thông trong vòng ba năm kể từ ngày Lệnh này có hiệu lực. Thực phẩm dành cho trẻ em đó có thể lưu hành cho đến khi hết hạn sử dụng hoặc hết hạn bảo quản tối thiểu, hoặc ngày “dùng trước”. - Lệnh này có hiệu lực sau ba tháng kể từ ngày được công bố chính thức.
27.	G/SPS/N/TUR/147 /Add.1	CNTY	Thổ Nhĩ Kỳ	28/07/2025	Thông cáo về việc sửa đổi Thông cáo của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về trứng (Thông cáo số: 2025/20)	Thông qua việc sửa đổi Thông cáo Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về Trứng (Thông cáo số: 2025/20), sửa đổi bao gồm một số thay đổi liên quan đến yêu cầu ghi nhãn cụ thể: • Yêu cầu ghi nhãn “Ngày hết hạn” đã được thay bằng “Hạn dùng tốt nhất”; • Trứng loại A phải được đưa tới người tiêu dùng cuối cùng trong thời hạn tối đa 28 ngày kể từ ngày đẻ và không được đưa ra thị trường để cung ứng sau thời hạn này. Ngày “Hạn dùng tốt nhất” của trứng loại A không được vượt quá 28 ngày kể từ ngày đẻ; • Trứng loại A phải được phân loại, đóng dấu/ghi nhãn và đóng gói trong vòng mười ngày kể từ ngày đẻ. Thông cáo có hiệu lực kể từ ngày đăng trên Công báo

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																																							
						Chính thức số 32959 ngày 18/7/2025; các quy định trong Thông cáo sẽ được áp dụng từ ngày 31/12/2025.																																							
28.	G/SPS/N/JPN/1314 /Add.1	ATTP, CNTY, TTBVTV	Nhật Bản	24/07/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đề xuất đối với Sulfoxaflor, đã được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1314 (ngày 0/11/2024) đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể: <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL mới (ppm)</th><th>MRL theo quy định cũ (ppm)</th></tr><tr><td>Đậu tương khô</td><td>●1</td><td>2</td></tr><tr><td>Atiso</td><td>○0,9</td><td>0,7</td></tr><tr><td>Hành hoa (bao gồm cả tỏi tây)</td><td>○0,9</td><td></td></tr><tr><td>(Các loại rau thuộc họ Cà khác)</td><td>●2</td><td>6</td></tr><tr><td>(Các loại rau họ Bầu Bí khác)</td><td>●0,5</td><td>6</td></tr><tr><td>Nấm Si-ta-kê</td><td>●</td><td>2</td></tr><tr><td>Các loại nấm khác</td><td>●</td><td>2</td></tr><tr><td>Đào</td><td>●1</td><td>2</td></tr><tr><td>Hạt hướng dương</td><td>○0,4</td><td></td></tr><tr><td>Hạt rum</td><td>○0,4</td><td></td></tr><tr><td>Hạt cà phê</td><td>○0,3</td><td></td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)</td><td>○0,05</td><td></td></tr></table> ●: Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) giảm, có hiệu lực từ ngày 23/4/2026 ○: Mức giới hạn dư lượng tối đa (MRL) tăng, có hiệu lực từ ngày 23/4/2025 - “Các loại rau họ Cà khác” là tất cả các loại rau thuộc họ Cà, ngoại trừ cà chua, ớt ngọt và cà tím.	Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)	Đậu tương khô	●1	2	Atiso	○0,9	0,7	Hành hoa (bao gồm cả tỏi tây)	○0,9		(Các loại rau thuộc họ Cà khác)	●2	6	(Các loại rau họ Bầu Bí khác)	●0,5	6	Nấm Si-ta-kê	●	2	Các loại nấm khác	●	2	Đào	●1	2	Hạt hướng dương	○0,4		Hạt rum	○0,4		Hạt cà phê	○0,3		Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	○0,05	
Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)																																											
Đậu tương khô	●1	2																																											
Atiso	○0,9	0,7																																											
Hành hoa (bao gồm cả tỏi tây)	○0,9																																												
(Các loại rau thuộc họ Cà khác)	●2	6																																											
(Các loại rau họ Bầu Bí khác)	●0,5	6																																											
Nấm Si-ta-kê	●	2																																											
Các loại nấm khác	●	2																																											
Đào	●1	2																																											
Hạt hướng dương	○0,4																																												
Hạt rum	○0,4																																												
Hạt cà phê	○0,3																																												
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	○0,05																																												

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																											
						- “Các loại rau họ Bầu Bí khác” là tất cả các loại rau thuộc họ Bầu Bí, ngoại trừ dưa leo, bí ngô, dưa muối kiểu phương Đông, dưa hấu, dưa lưới và dưa vàng Makuwauri. - “Các loại nấm khác” là tất cả các loại nấm, ngoại trừ nấm mỡ và nấm hương. - “Các loại rau khác” là tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành tỏi, rau họ cần, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau chân vịt, măng, đậu bắp, gừng, đậu non nguyên vỏ, đậu thận non nguyên vỏ, đậu tương xanh, nấm, gia vị và thảo mộc.																											
29.	G/SPS/N/JPN/1313 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	24/07/20 25	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đề xuất đối với Spirotetramat, như đã được thông báo trong tài liệu G/SPS/N/JPN/1313 (ngày 08/11/2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, cụ thể: <table><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL mới (ppm)</th><th>MRL theo quy định cũ (ppm)</th></tr><tr><td>Đậu tương khô</td><td>●4</td><td>5</td></tr><tr><td>Các loại đậu khô</td><td>●2</td><td>3</td></tr><tr><td>Đậu Hà Lan</td><td>●2</td><td>3</td></tr><tr><td>Các loại cây họ đậu khác</td><td>●2</td><td>3</td></tr><tr><td>Củ cải đường</td><td>●0,06</td><td>0,1</td></tr><tr><td>Củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)</td><td>○0,6</td><td>0,05</td></tr><tr><td>Lá củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)</td><td>○20</td><td>7</td></tr><tr><td>Củ cải Thụy Điển (bao gồm củ cải trắng)</td><td>○0,06</td><td>0,05</td></tr></table>	Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)	Đậu tương khô	●4	5	Các loại đậu khô	●2	3	Đậu Hà Lan	●2	3	Các loại cây họ đậu khác	●2	3	Củ cải đường	●0,06	0,1	Củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)	○0,6	0,05	Lá củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)	○20	7	Củ cải Thụy Điển (bao gồm củ cải trắng)	○0,06	0,05
Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)																															
Đậu tương khô	●4	5																															
Các loại đậu khô	●2	3																															
Đậu Hà Lan	●2	3																															
Các loại cây họ đậu khác	●2	3																															
Củ cải đường	●0,06	0,1																															
Củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)	○0,6	0,05																															
Lá củ cải Nhật (bao gồm cả củ cải thường)	○20	7																															
Củ cải Thụy Điển (bao gồm củ cải trắng)	○0,06	0,05																															

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Cải ngựa	○0,06	0,05
						Cải Brussels	○2	1
						Rau rễ dài	○0,06	0,05
						Xà lách	○20	15
						Hành	●0,5	0,8
						Hành hoa (bao gồm cả tỏi tây)	○1	0,8
						Tỏi	●0,7	0,8
						Hẹ Nhật	●0,5	0,8
						Các rau họ Hành Tỏi khác	●0,5	0,8
						Cần tây	●4	5
						Cà chua	●2	3
						Ớt ngọt	●5	10
						Cà tím	●1	2
						Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)	●1	2
						Bí ngô (bao gồm bí)	●0,8	2
						Rau bina (cải bó xôi)	○8	7
						Đậu Hà Lan non (cả vỏ)	●2	3
						Đậu tây non (cả vỏ)	●2	3
						Đậu nành xanh	●2	3
						Cam Natsudaidai	●0,7	1
						Chanh vàng	●0,7	3
						Cam (bao gồm cam Navel)	○4	3
						Bưởi	●0,7	3
						Chanh xanh	●0,7	3
						Các loại quả có múi khác	○4	3
						Lê Nhật	●0,9	0,7
						Lê	●0,9	0,7
						Việt quất	●2	3

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo											
						<table><tr><td>Nam việt quất</td><td>●0,2</td><td>3</td></tr><tr><td>Dâu</td><td>●2</td><td>3</td></tr><tr><td>Các loại quả mọng khác</td><td>●2</td><td>3</td></tr></table>			Nam việt quất	●0,2	3	Dâu	●2	3	Các loại quả mọng khác	●2	3
						Nam việt quất	●0,2	3									
						Dâu	●2	3									
						Các loại quả mọng khác	●2	3									
●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23/4/2026																	
○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23/4/2025																	
			- “Đậu khô” bao gồm đậu bơ, đậu bò (đậu đỏ), đậu lăng, đậu tây, đậu lima, đậu pegia, đậu sultani.														
			- “Các loại đậu khác” là chỉ tất cả các loại đậu hạt khô, ngoại trừ đậu nành (khô), đậu (khô), đậu Hà Lan, đậu tằm và lạc (khô).														
			- “Các loại rau họ hành tỏi khác” là chỉ tất cả các loại rau thuộc họ hành tỏi, ngoại trừ hành tây, hành Poa (bao gồm hành tây tây), tỏi, hẹ, măng tây, hành tằm và các loại rau gia vị														
			- “Các loại quả có múi khác” là chỉ tất cả các loại quả có múi, ngoại trừ quýt Unshu, cam Natsudaïdai, vỏ cam Natsudaïdai, cam Natsudaïdai (nguyên quả), chanh vàng, cam (bao gồm cam Navel), bưởi, chanh xanh và các loại gia vị.														
			- “Các loại quả mọng khác” là chỉ tất cả các loại quả mọng, ngoại trừ dâu tây, phúc bồn tử, mâm xôi đen, việt quất, nam việt quất và dâu Huckleberry.														
30.	G/SPS/N/JPN/1312 /Add.1	ATTP, TTBVTv	Nhật Bản	24/07/20 25	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với hoạt chất Inpyrfluxam, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1312 (ngày 8 tháng 11 năm 2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể											
						Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)									

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																																
						<table><tr><td>Tỏi</td><td>○0,05</td><td></td></tr><tr><td>Ớt ngọt</td><td>○1</td><td></td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>○0,6</td><td></td></tr><tr><td>Các loại rau họ cà khác</td><td>○5</td><td></td></tr><tr><td>Cam (bao gồm cam Navel)</td><td>●3</td><td>5</td></tr><tr><td>Bưởi</td><td>●2</td><td>5</td></tr><tr><td>Các loại hoa quả khác</td><td>○2</td><td></td></tr><tr><td>Các loài thú trên cạn khác, phần thịt cơ</td><td>○0,02</td><td></td></tr><tr><td>Nội tạng ăn được của bò</td><td>○0,02</td><td></td></tr><tr><td>Phần thịt cơ của các loại gia cầm khác</td><td>○0,02</td><td></td></tr></table>	Tỏi	○0,05		Ớt ngọt	○1		Cà tím	○0,6		Các loại rau họ cà khác	○5		Cam (bao gồm cam Navel)	●3	5	Bưởi	●2	5	Các loại hoa quả khác	○2		Các loài thú trên cạn khác, phần thịt cơ	○0,02		Nội tạng ăn được của bò	○0,02		Phần thịt cơ của các loại gia cầm khác	○0,02			
Tỏi	○0,05																																					
Ớt ngọt	○1																																					
Cà tím	○0,6																																					
Các loại rau họ cà khác	○5																																					
Cam (bao gồm cam Navel)	●3	5																																				
Bưởi	●2	5																																				
Các loại hoa quả khác	○2																																					
Các loài thú trên cạn khác, phần thịt cơ	○0,02																																					
Nội tạng ăn được của bò	○0,02																																					
Phần thịt cơ của các loại gia cầm khác	○0,02																																					
●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23/4/2026 ○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23/4/2025 - “Các loại rau họ cà khác” là chỉ tất cả các loại rau thuộc họ cà, ngoại trừ cà chua, ớt ngọt và cà tím - “Các loại quả khác” là chỉ tất cả các loại quả, ngoại trừ các loại quả có múi, táo, lê Nhật Bản, lê, mận qua, son trà, đào, xuân đào, mơ, mận Nhật Bản (bao gồm mận khô), mơ mume, anh đào, các loại quả mọng, nho, hồng Nhật Bản, chuối, kiwi, đu đủ, bơ, dứa, ổi, xoài, chanh dây, chà là và các loại gia vị. - “Các loài thú trên cạn khác” là chỉ tất cả các loài thú sống trên cạn, ngoại trừ bò và lợn. - “Phủ tạng ăn được” là chỉ tất cả các bộ phận ăn được, ngoại trừ thịt cơ, mỡ, gan và thận. - “Các loài gia cầm khác” là chỉ tất cả các loài gia cầm, ngoại trừ gà.																																						

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
31.	G/SPS/N/JPN/1311 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	24/07/20 25	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với hoạt chất Fosthiazate, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1311 (ngày 8 tháng 11 năm 2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể		
						Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)
						Bắp cải	○0,03	
						Rau cải xanh	●0,1	0,2
						Rau diếp (bao gồm rau diếp Romaine và rau diếp lá)	○0,5	0,4
						Tỏi	●0,02	0,03
						Cà tím	●0,01	0,02
						Bí ngô	●0,1	0,2
						Dâu tây	●0,1	0,2
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	○0,05	
●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2026 ○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2025								
32.	G/SPS/N/JPN/1310 /Add.1	ATTP, TTBVTV	Nhật Bản	24/07/20 25	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với hoạt chất Flutianil, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1310 (ngày 8 tháng 11 năm 2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể		
						Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)
						Cà chua	●0,1	0,2

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)	●0,08	0,09
						Bí ngô	●0,05	0,06
						Dưa (toàn bộ quả sau khi bỏ cuống)	○0,09	0,07
						Hoa bia	○2	
						●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2026 ○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2025		
33.	G/SPS/N/JPN/1309 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	24/07/20 25	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với các hoạt chất Dazomet, Metam và Methyl isothiocyanate, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1309 (ngày 8 tháng 11 năm 2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể		
						Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)
						Lạc (khô)	○0,05	
						Cà chua	●0,09	0,2
						Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm khoai mỡ Trung Quốc)	●0,1	0,3
						Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm củ cải)	○0,05	0,04
						Củ cải Nhật Bản, lá (bao gồm củ cải)	●0,2	2
						Củ cải Thụy Điển, rễ (bao gồm củ cải Thụy Điển)	○0,02	0,01
						Củ cải Thụy Điển, lá (bao gồm	○0,02	0,01

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo		
						củ cải Thụy Điển)		
						Cải xoăn	○0,03	0,02
						Cải Komatsuna (cải thìa Nhật Bản)	○0,03	0,02
						Rau diếp (bao gồm rau diếp Romaine và rau diếp lá)	○0,1	0,05
						Hành hoa (bao gồm hành tây tây)	○0,1	0,02
						Tỏi	●0,1	0,2
						Hẹ	●0,01	0,02
						Cà tím	●0,02	0,05
						Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)	●0,07	0,08
						Dưa hấu	●0,03	0,05
						Rau bina (cải bó xôi)	●0,09	0,1
						Đậu Hà Lan non (cả vỏ)	●0,05	0,1
						Đậu nành xanh	●0,03	0,05
						Các loại rau khác	●0,05	0,1
						Các loại rau gia vị khác	●0,2	0,3
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	○0,05	
						●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2026 ○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2025 - “Các loại rau khác” là chỉ tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành tỏi, rau họ hoa tán, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau bina, măng tre, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (cả vỏ, non), đậu tây (cả vỏ, non), đậu nành xanh, nấm, các loại gia vị		

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo																																	
						và rau gia vị. - “Các loại rau gia vị khác” là chỉ tất cả các loại rau gia vị, ngoại trừ cải xoong, hẹ, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây.																																	
34.	G/SPS/N/JPN/1308 /Add.1	ATTP, TTBVTV, CNTY	Nhật Bản	24/07/2025	Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi các tiêu chuẩn về dư lượng hóa chất nông nghiệp)	Giới hạn dư lượng tối đa (MRLs) đề xuất đối với hoạt chất Acrinathrin, đã được thông báo trong văn bản G/SPS/N/JPN/1308 (ngày 8 tháng 11 năm 2024), đã được thông qua và công bố vào ngày 23/4/2025, cụ thể																																	
						<table><tr><th>Sản phẩm</th><th>MRL mới (ppm)</th><th>MRL theo quy định cũ (ppm)</th></tr><tr><td>Các loại rau họ cúc khác</td><td>●1</td><td>2</td></tr><tr><td>Măng tây</td><td>●0,5</td><td>0,7</td></tr><tr><td>Cà tím</td><td>●0,3</td><td>0,5</td></tr><tr><td>Các loại rau họ cà khác</td><td>●0,6</td><td>1</td></tr><tr><td>Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)</td><td>●0,2</td><td>0,3</td></tr><tr><td>Các loại rau khác (ngoại trừ thân khoai môn, giá đỗ và củ sen)</td><td>○20</td><td>15</td></tr><tr><td>Bơ</td><td>○0,7</td><td></td></tr><tr><td>Trà</td><td>●9</td><td>10</td></tr><tr><td>Các loại rau gia vị khác</td><td>○20</td><td>15</td></tr><tr><td>Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)</td><td>○0,05</td><td></td></tr></table>	Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)	Các loại rau họ cúc khác	●1	2	Măng tây	●0,5	0,7	Cà tím	●0,3	0,5	Các loại rau họ cà khác	●0,6	1	Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)	●0,2	0,3	Các loại rau khác (ngoại trừ thân khoai môn, giá đỗ và củ sen)	○20	15	Bơ	○0,7		Trà	●9	10	Các loại rau gia vị khác	○20	15	Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	○0,05	
						Sản phẩm	MRL mới (ppm)	MRL theo quy định cũ (ppm)																															
						Các loại rau họ cúc khác	●1	2																															
						Măng tây	●0,5	0,7																															
						Cà tím	●0,3	0,5																															
						Các loại rau họ cà khác	●0,6	1																															
						Dưa chuột (bao gồm dưa chuột bao tử)	●0,2	0,3																															
						Các loại rau khác (ngoại trừ thân khoai môn, giá đỗ và củ sen)	○20	15																															
						Bơ	○0,7																																
						Trà	●9	10																															
						Các loại rau gia vị khác	○20	15																															
						Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	○0,05																																
●: Giảm giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2026																																							
○: Tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL), có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2025																																							
- “Các loại rau họ cúc khác” là chỉ tất cả các loại rau họ																																							

STT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						cúc, ngoại trừ củ cúc tây, củ thiên lý, atisô, rau diếp xoăn, rau diếp xoăn lá, shungiku, rau diếp (bao gồm rau diếp Romaine và rau diếp lá) và các loại rau gia vị. - “Các loại rau họ cà khác” là chỉ tất cả các loại rau thuộc họ cà, ngoại trừ cà chua, ớt ngọt và cà tím. - “Các loại rau khác” là chỉ tất cả các loại rau, ngoại trừ khoai tây, củ cải đường, mía, rau họ cải, rau họ cúc, rau họ hành tỏi, rau họ hoa tán, rau họ cà, rau họ bầu bí, rau bina, măng tre, đậu bắp, gừng, đậu Hà Lan (cả vỏ, non), đậu tây (cả vỏ, non), đậu nành xanh, nấm, thân khoai môn, giá đỗ, củ sen, các loại gia vị và rau gia vị. - “Các loại rau gia vị” là chỉ tất cả các loại rau gia vị, ngoại trừ cải xoong, hẹ, thân và lá mùi tây, thân và lá cần tây

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn
- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CLCB: Chất lượng, chế biến; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương. Các đơn vị rà soát kỹ nội dung thông báo dự thảo liên quan đến lĩnh vực quản lý để góp ý và triển khai thực hiện